

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HOÀNG THIÊN

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG TỰ THỰC TIỄN QUẬN 11,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HOÀNG THIỆN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG TỰ THỰC TIỄN QUẬN 11,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số : 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS. TS. PHẠM HỮU NGHỊ

HÀ NỘI - 2017

LỜI CẢM ƠN

Luận văn này được thực hiện tại Học viện Khoa học xã hội, Cơ sở tại thành phố Hồ Chí Minh.

Để hoàn thành được luận văn này tôi đã nhận được rất nhiều sự động viên, giúp đỡ của nhiều cá nhân và tập thể.

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS Phạm Hữu Nghị đã hướng dẫn tôi thực hiện đề tài của mình.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các thầy cô giáo, người đã đem lại cho tôi những kiến thức quý báu, vô cùng có ích trong những năm học vừa qua.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban Giám đốc, Phòng Đào tạo của Học viện Khoa học xã hội đã tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè, những người đã luôn bên tôi, động viên và khuyến khích tôi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Học viên

Nguyễn Hoàng Thiện

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	7
1.1. Khái quát về môi trường và quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	7
1.2. Nguyên tắc, mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	14
1.3. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	16
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	18
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.	23
2.1. Một số đặc điểm của quận 11 ảnh hưởng đến quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, hiện trạng môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh	23
2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về môi trường tại quận 11, thành phố trong thời gian qua	37
2.3. Đánh giá chung thực trạng quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh	53
Chương 3: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HIỆU LỰC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	58
3.1. Quan điểm và mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở quận 11 thành phố Hồ Chí Minh.....	58

3.2. Giải pháp bảo đảm hiệu lực và nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở quận 11 thành phố Hồ Chí Minh	61
KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVMT	Bảo vệ môi trường
CT	Chi thị
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
DVCI	Dịch vụ công ích
KT-XH	Kinh tế - xã hội
MT	Môi trường
NĐ CP	Nghị định Chính phủ
NQ	Nghị quyết
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
QLĐT	Quản lý đô thị
QLMT	Quản lý môi trường
QLNN	Quản lý nhà nước
SX-KD-DV	Sản xuất – Kinh doanh – Dịch vụ
TC	Tiêu chuẩn
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TNMT	Tài nguyên - môi trường
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Các tiêu chuẩn nước ngầm – nước sinh hoạt.....	29
Bảng 2.2: Hàm lượng trung bình các chỉ tiêu hoá sinh của các mẫu phân tích trong nhiều năm.....	30
Bảng 2.3. Lượng rác thải trung bình của 1 người/ ngày.....	42
Bảng 2.4. Tổng hợp số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, doanh nghiệp thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường nộp ngân sách hàng tháng của 16 phường (theo danh sách các phường cung cấp) năm 2015	46
Hình 2.1. Trạm trung chuyển (bô rác Tân Hoá).....	36
Hình 2.2. Trạm trung chuyển (bô Lê Đại Hành và bô rác Tống Văn Trân) ..	36
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ Quận 11.....	24
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ hệ thống trung chuyển và vận chuyển rác tại quận 11.....	35
Sơ đồ 2.3. Cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11....	40

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng nhiều dẫn đến tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Con người đã nhận ra mối liên hệ tác động qua lại giữa hoạt động kinh tế - xã hội - môi trường tự nhiên. Con người do hoạt động của mình đã làm biến đổi môi trường và sự biến đổi đó tác động trở lại sự sống của con người. Các nguồn TNTN và MT đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội. Tốc độ phát triển kinh tế ngày càng tăng đã mang lại rất nhiều lợi ích: mức sống cao hơn, giáo dục và đào tạo tốt hơn, công nghệ ngày càng tiên tiến, y học ngày càng phát triển, tuổi thọ con người được kéo dài hơn... Tuy nhiên, đi kèm theo đó là tình trạng suy kiệt nguồn tài nguyên, suy thoái và ô nhiễm môi trường. Vấn đề ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước đã và đang ngày càng trở nên nghiêm trọng ở Việt Nam. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp những hình ảnh, những thông tin môi trường bị ô nhiễm. Bất chấp những lời kêu gọi bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, tình trạng ô nhiễm càng lúc càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, vấn đề môi trường đã được đề cập nhiều hơn, được nhà nước và các ban ngành quan tâm và đặc biệt chú trọng, nó được coi như một yếu tố phát triển cùng với sự quản lý chặt chẽ của các ngành từ trung ương đến địa phương.

Quận 11 thành phố Hồ Chí Minh là một quận gần trung tâm thành phố với mật độ dân số cao. Quận 11 đang trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa mạnh mẽ, góp phần đáng kể vào công cuộc phát triển chung của thành phố. Tuy nhiên, trên nhiều phương diện đã làm nảy sinh nhiều vấn đề về môi trường. Đề tài “Quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường từ

thực tiễn quận 11, thành phố Hồ Chí Minh” đưa ra một cái nhìn tổng quát về thực trạng QLMT ở quận 11. Từ đó đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác BVMT góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng thành phố Hồ Chí Minh xanh, sạch, đẹp.

Nhận thấy được điều đó và với mong muốn đóng góp một số ý kiến cho công tác quản lý nhà nước về môi trường, nhằm xây dựng quận 11 trở thành quận phát triển hài hòa về kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đạt các yêu cầu về môi trường, tôi đã chọn đề tài: “*Quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường từ thực tiễn quận 11, thành phố Hồ Chí Minh*” làm luận văn tốt nghiệp cao học luật của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều đề tài, luận văn đề cập MT và sự QLNN về môi trường. Thành quả của những công trình đó đã cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn cho việc xây dựng, triển khai công tác QLNN về MT ở từng địa phương nói riêng và của cả nước nói chung.

Có thể nêu ra một số công trình như:

- ThS. Phan Như Thúc, Giáo trình Quản lý môi trường, Nxb. Đại học Nông nghiệp, năm 2007. Tác giả đã đưa ra các định nghĩa về môi trường, các tiêu chuẩn đánh giá về môi trường, khái niệm về quản lý môi trường. Bên cạnh đó tác giả giải thích cho độc giả biết các tiêu chuẩn, quy định, phương pháp trong quản lý môi trường, biện pháp cụ thể để quản lý cũng như bảo vệ nguồn tài nguyên ở Việt Nam như tài nguyên đất, khoáng sản, quản lý chất thải rắn.

Các công trình nghiên cứu về lý luận quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Có thể kể đến tác phẩm “*Kinh tế hoá lĩnh vực môi trường: Một số vấn*

đề lý luận và thực tiễn”, PGS.TS. Phạm Văn Lợi (chủ biên), Nhà xuất bản Tư pháp, 2011. Sách xuất bản trong khuôn khổ hợp tác giữa Tổng cục Môi trường, Viện Khoa học Quản lý môi trường và Hợp phần Kiểm soát ô nhiễm tại các khu vực đông dân nghèo - PCDA. Công trình này đặt ra những vấn đề mới trong lĩnh vực môi trường trong đó, đã làm rõ hơn khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc và nội dung của kinh tế hoá lĩnh vực môi trường, đồng thời làm rõ những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai, để từ đó có thể kiến nghị, đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh kinh tế hoá lĩnh vực môi trường.

Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế, Trần Thanh Lâm, Nxb. Lao động, 2006. Trong công trình này, tác giả đã xem xét khá nhiều khía cạnh của quản lý môi trường bằng các công cụ kinh tế.

Giáo trình Luật Hành chính - Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia, 2010. Theo đó, quản lý nhà nước được xác định chủ thể là nhà nước, bằng chức trách nhiệm vụ và quyền hạn của mình đưa ra các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế - xã hội quốc gia.

Ngoài ra phải kể đến những công trình quan trọng khác như: “*Vấn đề môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”, GS.TSKH. Vũ Hy Chương, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; “*Một số vấn đề bảo vệ môi trường với sự phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*” của TS. Nguyễn Văn Ngừng, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004; “*Chính sách công nghiệp định hướng phát triển bền vững - những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*”, TS. Trần Ngọc Ngoạn (chủ biên), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2008; *Quản lý môi trường địa phương*, Trần Thanh Lâm, Nxb. Xây dựng, 2004; *Phương pháp phân tích kinh tế và môi trường thông qua mô hình I-O*, Bùi Bá Cước, Bùi Trinh và Dương Mạnh Hùng, Nxb. Thống kê, 2004; *Kinh*

tế và quản lý môi trường, PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh (chủ biên), Nxb. Thống kê, 2003; *Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường*, Lê Văn Khoa, Nxb. Giáo dục, 2011; *Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về Tài nguyên và Môi trường*, Tài liệu tập huấn Hà Nội, 11/2009; *Tội phạm về môi trường một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, TS. Phạm Văn Lợi, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004; *Giáo trình Luật môi trường*, TS. Trần Quang Huy, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2009.

Có nhiều tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu, từ việc nghiên cứu lý luận đến thực tế về đề tài này. Tuy nhiên, các nghiên cứu ấy chủ yếu ở tầng vĩ mô, còn chung chung, rất ít các công trình nghiên cứu về công tác quản lý, tình trạng ô nhiễm môi trường ở một địa phương cụ thể. Mặc dù có nhiều nghiên cứu về vấn đề môi trường nhưng đối với quận 11, thành phố Hồ Chí Minh chưa có một nghiên cứu cụ thể nào về vấn đề này. Cũng có các báo cáo đánh giá hàng năm, tổng kết đánh giá từng giai đoạn. Tuy nhiên, mới chỉ dừng lại ở mức báo cáo thống kê, đánh giá. Vì vậy, vấn đề “Quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường từ thực tiễn quận 11, thành phố Hồ Chí Minh” là đề tài rất cấp thiết, phù hợp với thực tiễn phát triển chung của toàn thành phố Hồ Chí Minh nói chung và quận 11 nói riêng.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường. Từ đó, đề xuất ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ các khái niệm, nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước

trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Tìm hiểu hiện trạng môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
- Đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm hiệu lực và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm cải thiện môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý nhà nước về môi trường bao gồm chính sách, biện pháp việc triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt nội dung: Tập trung nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại quận 11 chủ yếu dưới góc độ triển khai thực hiện việc quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.
- Về mặt không gian: Nghiên cứu tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
- Về thời gian: Nghiên cứu hiện trạng môi trường và quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2015 tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Để xem xét vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường một cách khách quan, sát thực tiễn, luận văn dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận duy vật biện chứng, các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp thống kê, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Với những kết quả đã đạt được, luận văn góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Các giải pháp được nêu ra sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Luận văn có thể là tài liệu tham khảo tốt tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo về pháp luật môi trường, quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn có 3 chương sau đây:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Giải pháp bảo đảm hiệu lực và nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước về môi trường từ thực tiễn quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Khái quát về môi trường và quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, chức năng của môi trường

- Khái niệm môi trường

Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên (Điều 1, Luật Bảo vệ môi trường, 1993) [19, tr.1].

Môi trường là một phần của ngoại cảnh, bao gồm các hiện tượng và các thực thể của tự nhiên mà ở đó, cá thể, quần thể, loài có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp bằng các phản ứng thích nghi của mình. Từ định nghĩa này ta có thể phân biệt được đâu là môi trường của loài này mà không phải là môi trường của loài khác.

Đối với con người, môi trường chứa đựng nội dung rộng hơn. Theo định nghĩa của UNESCO (1981) thì môi trường của con người bao gồm toàn bộ các hệ thống tự nhiên và các hệ thống do con người tạo ra, những cái hữu hình (đô thị, hồ chứa...) và những cái vô hình (tập quán, niềm tin, nghệ thuật...), trong đó con người sống bằng lao động của mình, họ khai thác các tài nguyên thiên nhiên và nhân tạo nhằm thoả mãn những nhu cầu của mình. Như vậy, môi trường sống đối với con người không chỉ là nơi tồn tại, sinh trưởng và phát triển cho một thực thể sinh vật là con người mà còn là “khung cảnh của cuộc sống, của lao động và sự nghỉ ngơi của con người”

Theo nghĩa rộng nhất thì môi trường là tập hợp các điều kiện và hiện tượng bên ngoài có ảnh hưởng tới một vật thể hoặc sự kiện. Bất cứ một vật thể, một sự kiện nào cũng tồn tại và diễn biến trong một môi trường.

- *Đặc trưng của môi trường*

Những đặc trưng cơ bản của hệ thống môi trường là:

Tính cơ cấu (cấu trúc) phức tạp:

Hệ thống môi trường (gọi tắt là hệ môi trường) bao gồm nhiều phần tử (thành phần) hợp thành. Các phần tử đó có bản chất khác nhau (tự nhiên, kinh tế, dân cư, xã hội) và bị chi phối bởi các quy luật khác nhau, đôi khi đối lập nhau.

Cơ cấu của hệ môi trường được thể hiện chủ yếu ở cơ cấu chức năng và cơ cấu bậc thang. Theo chức năng, người ta có thể phân hệ môi trường ra vô số phân hệ. Tương tự như vậy, theo thứ bậc (quy mô), người ta cũng có thể phân ra các phân hệ từ lớn đến nhỏ.

Dù theo chức năng hay theo thứ bậc, các phần tử cơ cấu của hệ môi trường thường xuyên tác động lẫn nhau, quy định và phụ thuộc lẫn nhau (thông qua trao đổi vật chất - năng lượng - thông tin) làm cho hệ thống tồn tại, hoạt động và phát triển. Vì vậy, mỗi một sự thay đổi dù là rất nhỏ của mỗi phần tử cơ cấu của hệ môi trường đều gây ra một phản ứng dây chuyền trong toàn hệ, làm suy giảm hoặc gia tăng số lượng và chất lượng của nó.

Tính động:

Hệ môi trường không phải là một hệ tĩnh, mà luôn luôn thay đổi trong cấu trúc, trong quan hệ tương tác giữa các phần tử cơ cấu và trong từng phần tử cơ cấu. Bất kì một sự thay đổi nào của hệ đều làm cho nó lệch khỏi trạng thái cân bằng trước đó và hệ lại có xu hướng lập lại thế cân bằng mới. Đó là bản chất của quá trình vận động và phát triển của hệ môi trường. Vì thế, cân bằng động là một đặc tính cơ bản của môi trường với tư cách là một hệ thống.

Đặc tính đó cần được tính đến trong hoạt động tư duy và trong tổ chức thực tiễn của con người.

Tính mở:

Môi trường, dù với quy mô lớn nhỏ như thế nào, cũng đều là một hệ thống mở. Các dòng vật chất, năng lượng và thông tin liên tục "chảy" trong không gian và thời gian (từ hệ lớn đến hệ nhỏ, từ hệ nhỏ đến hệ nhỏ hơn và ngược lại: từ trạng thái này sang trạng thái khác, từ thế hệ này sang thế hệ nối tiếp, v.v...). Vì thế, hệ môi trường rất nhạy cảm với những thay đổi từ bên ngoài, điều này lý giải vì sao các vấn đề môi trường mang tính vùng, tính toàn cầu, tính lâu dài (viễn cảnh) và nó chỉ được giải quyết bằng nỗ lực của toàn thể cộng đồng, bằng sự hợp tác giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới với một tầm nhìn xa, trông rộng vì lợi ích của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Khả năng tự tổ chức và điều chỉnh:

Trong hệ môi trường, có các phần tử cơ cấu là vật chất sống (con người, giới sinh vật) hoặc là các sản phẩm của chúng. Các phần tử này có khả năng tự tổ chức lại hoạt động của mình và tự điều chỉnh để thích ứng với những thay đổi bên ngoài theo quy luật tiến hoá, nhằm hướng tới trạng thái ổn định.

Đặc tính cơ bản này của hệ môi trường quy định tính chất, mức độ, phạm vi can thiệp của con người, đồng thời tạo mở hướng giải quyết căn bản, lâu dài cho các vấn đề môi trường cấp bách hiện nay (tạo khả năng tự phục hồi của các tài nguyên sinh vật đã suy kiệt, xây dựng các hồ chứa và các vành đai cây xanh, nuôi trồng thuỷ và hải sản, v.v...)

- Chức năng của môi trường

Môi trường là không gian sống của con người và các loài sinh vật.

Môi trường là nơi cung cấp tài nguyên cần thiết cho cuộc sống và hoạt

động sản xuất của con người.

Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất của mình.

Môi trường là nơi giảm nhẹ các tác động có hại của thiên nhiên tới con người và sinh vật trên trái đất.

Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người.

1.1.2. Khái niệm, vai trò và đặc điểm quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Khái niệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Theo một số tác giả, thuật ngữ về quản lý môi trường bao gồm hai nội dung chính: quản lý Nhà nước về môi trường và quản lý của các doanh nghiệp, khu vực dân cư về môi trường. Quản lý môi trường là tổng hợp các biện pháp thích hợp, tác động và điều chỉnh các hoạt động của con người, với mục đích chính là giữ hài hòa quan hệ giữa môi trường và phát triển, giữa nhu cầu của con người và chất lượng môi trường, giữa hiện tại và khả năng chịu đựng của trái đất “phát triển bền vững”. Như vậy, “Quản lý môi trường là một lĩnh vực quản lý xã hội, nhằm bảo vệ môi trường và các thành phần của môi trường, phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và xã hội”.

Quản lý môi trường được thực hiện bằng tổng hợp các biện pháp: luật pháp, chính sách, kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, xã hội, văn hóa, giáo dục... Các biện pháp này có thể đan xen, phối hợp, tích hợp với nhau tùy theo điều kiện cụ thể của vấn đề đặt ra.

Quản lý nhà nước về môi trường là xác định rõ chủ thể là Nhà nước, bằng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đưa ra các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng MT sống và phát triển bền vững nền KT - XH quốc gia.

Như vậy chúng ta có thể nhận thấy rằng, quản lý nhà nước về môi trường xét về bản chất khác với những hình thức quản lý khác như quản lý môi trường do các tổ chức phi chính phủ (NGO: None Government) đảm nhiệm; quản lý môi trường dựa trên cơ sở cộng đồng; quản lý môi trường có tính tự nguyện, hình thức quản lý nhà nước về môi trường chủ yếu là điều hành và kiểm soát (CAC: Comment And Control).

- Vai trò của quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Vai trò của nhà nước được thể hiện một cách cụ thể qua các công cụ quản lý môi trường do nhà nước sử dụng. Trong đó, các công cụ kỹ thuật quản lý thực hiện vai trò kiểm soát và giám sát nhà nước về chất lượng và thành phần môi trường, về sự hình thành và phân bố chất ô nhiễm trong môi trường. Các công cụ kỹ thuật quản lý có thể gồm các đánh giá môi trường, quan trắc môi trường, xử lý chất thải, tái chế và tái sử dụng chất thải. Các công cụ kỹ thuật quản lý có thể được thực hiện thành công trong bất kỳ nền kinh tế phát triển như thế nào.

Vai trò của quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường còn thể hiện trong một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, phải khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường phát sinh trong hoạt động sống của con người.

Thứ hai, phát triển bền vững kinh tế và xã hội quốc gia theo các nguyên tắc của một xã hội bền vững do hội nghị Rio-92 đề xuất và được tuyên bố Johannesburg, Nam Phi về phát triển bền vững 26/8-4/9/2002 tái khẳng định. Trong đó với nội dung cơ bản cần phải đạt được là phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học.

Thứ ba, xây dựng các công cụ có hiệu lực quản lý môi trường quốc gia và các vùng lãnh thổ. Các công cụ trên phải thích hợp cho từng ngành, từng địa phương và cộng đồng dân cư.

Được thể hiện trong việc chỉ đạo tổ chức bảo vệ môi trường và phân phối nguồn lợi chung giữa chủ thể quản lý tài sản và xã hội.

Tổ chức khai thác và sử dụng tối ưu nguồn tài nguyên quốc gia và môi trường. Ngoài ra, còn phối hợp với quốc tế về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Cơ sở của quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

** Cơ sở kinh tế*

Quản lý môi trường được hình thành trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường và thực hiện điều tiết xã hội thông qua các công cụ kinh tế. Loại hàng hoá có chất lượng tốt và giá thành rẻ sẽ được tiêu thụ nhanh. Trong khi đó, loại hàng hoá kém chất lượng và đắt sẽ không có chỗ đứng. Vì vậy, chúng ta có thể dùng các phương pháp và công cụ kinh tế để đánh giá và định hướng hoạt động phát triển sản xuất có lợi cho công tác bảo vệ môi trường.

Các công cụ kinh tế rất đa dạng gồm các loại thuế, phí và lệ phí, cota ô nhiễm, quy chế đóng góp có bồi hoàn, trợ cấp kinh tế, nhãn sinh thái, hệ thống các tiêu chuẩn ISO. Một số ví dụ về phân tích kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường như lựa chọn sản lượng tối ưu cho một hoạt động sản xuất có sinh ra ô nhiễm hoặc xác định mức khai thác hợp lý tài nguyên tái tạo v.v...

** Cơ sở khoa học, kỹ thuật - công nghệ*

Các nguyên tắc quản lý MT, các công cụ thực hiện việc giám sát chất lượng môi trường, các phương pháp xử lý môi trường bị ô nhiễm được xây dựng trên cơ sở sự hình thành và phát triển ngành khoa học môi trường.

Nhờ kỹ thuật và công nghệ môi trường, các vấn đề ô nhiễm do hoạt động sản xuất của con người đang được nghiên cứu, xử lý hoặc phòng tránh, ngăn ngừa. Các kỹ thuật phân tích, đo đạc, giám sát chất lượng môi trường như kỹ thuật viễn thám, tin học được phát triển ở nhiều nước phát triển trên thế giới.

Tóm lại, quản lý MT là cầu nối giữa khoa học MT với hệ thống tự nhiên - con người - xã hội đã được phát triển trên nền phát triển của các bộ môn chuyên ngành.

** Cơ sở pháp luật*

Cơ sở luật pháp của quản lý môi trường là các văn bản về luật quốc tế và luật quốc gia về lĩnh vực môi trường.

Luật quốc tế về môi trường là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm quốc tế điều chỉnh mối quan hệ giữa các quốc gia, giữa quốc gia và tổ chức quốc tế trong việc ngăn chặn, loại trừ thiệt hại gây ra cho MT của từng quốc gia và môi trường ngoài phạm vi tàn phá quốc gia. Các văn bản luật quốc tế về MT được hình thành một cách chính thức từ thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, giữa các quốc gia châu Âu, châu Mỹ, châu Phi. Từ hội nghị quốc tế về "Môi trường con người" tổ chức năm 1972 tại Thụy Điển và sau Hội nghị thượng đỉnh Rio 92 có rất nhiều văn bản về luật quốc tế được soạn thảo và ký kết. Cho đến nay đã có hàng nghìn các văn bản luật quốc tế về MT, trong đó nhiều văn bản đã được Nhà nước Việt Nam tham gia ký kết.

Trong phạm vi quốc gia, vấn đề môi trường được đề cập trong nhiều văn bản luật, trong đó Luật Bảo vệ Môi trường (Luật Bảo vệ môi trường năm 1993, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014) được Quốc hội thông qua là những văn bản quan trọng nhất. Chính phủ đã ban hành nhiều nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Nhiều khía cạnh bảo vệ môi trường được đề cập trong các văn bản khác như

Luật Khoáng sản, Luật Dầu khí, Bộ Luật Hàng hải, Bộ Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Phát triển và Bảo vệ rừng, Luật Tài nguyên nước... Bộ luật Hình sự quy định các tội xâm phạm môi trường.

Các văn bản trên cùng với các văn bản về luật quốc tế được nhà nước Việt Nam phê chuẩn là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Trong phạm vi quốc gia, chúng ta cũng đã có nhiều văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ và quản lý môi trường. Văn bản quan trọng nhất là Luật bảo vệ môi trường được quốc hội thông qua ngày 27/12/1993.

Các văn bản pháp luật quốc tế và Quốc gia là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

1.2. Nguyên tắc, mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Nguyên tắc quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

1. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

2. Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy giới và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

3. Bảo vệ môi trường phải dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

4. Bảo vệ môi trường quốc gia gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu; bảo vệ môi trường bảo đảm không phương hại chủ quyền, an ninh quốc gia.

5. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

6. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên và ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường.

7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường.

8. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Mục tiêu của quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Hay nói cách khác, phát triển kinh tế xã hội tạo ra các tiềm lực kinh tế để bảo vệ môi trường, còn bảo vệ môi trường tạo ra các tiềm năng tự nhiên và xã hội mới cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội trong tương lai. Tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hệ thống pháp lý, mục tiêu phát triển ưu tiên của từng địa phương mà mục tiêu quản lý môi trường thay đổi theo thời gian và có những ưu tiên riêng.

Mục tiêu của quản lý nhà nước về môi trường là phát triển bền vững, giữ cho được hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hệ thống pháp luật, mục tiêu ưu tiên phát triển của từng quốc gia mà mục tiêu quản lý môi trường có thể thay đổi theo thời gian và có những ưu tiên riêng đối với mỗi quốc gia.

Theo Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước một số mục tiêu cơ bản của công tác bảo vệ môi trường ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là:

Thứ nhất, ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.

Thứ hai, khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường.

Xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 được Đại hội Đảng XI đã đưa ra mục tiêu về môi trường như sau: Cải thiện chất lượng môi trường. Đến năm 2020, tỉ lệ che phủ rừng đạt 45%. Hầu hết dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các cụm, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn. Cải thiện và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm nặng. Hạn chế tác hại của thiên tai; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

1.3. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường bao gồm:

Thứ nhất, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Thứ hai, xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

Thứ ba, tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc; định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường.

Thứ tư, xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường; tổ chức xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

Thứ năm, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý chất thải; kiểm soát ô nhiễm; cải thiện và phục hồi môi trường.

Thứ sáu, cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về môi trường.

Thứ bảy, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thứ tám, đào tạo nhân lực khoa học và quản lý môi trường; giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thứ chín, tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Thứ mười, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

Thứ mười một, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quốc tế về bảo vệ môi trường.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên bao gồm vị trí địa lý, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên; đất đai, sông biển, các nguồn tài nguyên khoáng sản trong lòng đất, tài nguyên rừng biển, sự trong sạch của môi trường, nước và không khí... Có thể nói các điều kiện tự nhiên luôn luôn là một yếu tố quan trọng trong cuộc sống của con người (đặc biệt là các yếu tố của môi trường sinh thái), mặt khác nó cũng là một yếu tố đầu vào hết sức quan trọng của nhiều ngành kinh tế như: nông nghiệp, công nghiệp, khai khoáng, du lịch, vận tải. Trong rất nhiều trường hợp, chính các điều kiện tự nhiên trở thành một yếu tố rất quan trọng để hình thành lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm và dịch vụ.

Tuy nhiên, trong những thập niên gần đây, nhân loại đang chứng kiến sự xuống cấp nghiêm trọng của các điều kiện tự nhiên, đặc biệt là sự ô nhiễm môi trường tự nhiên ngày càng tăng, sự cạn kiệt và khan hiếm của các nguồn tài nguyên và năng lượng, sự mất cân bằng về môi trường sinh thái..., những cái giá mà con người phải trả do sự xuống cấp của môi trường tự nhiên là vô cùng to lớn, khó mà tính hết được. Ở nhiều thành phố trên thế giới tình trạng ô nhiễm không khí và nước đã đạt tới mức độ nguy hiểm. Một mối lo rất lớn là các hóa chất công nghiệp đã tạo ra lỗ thủng trên tầng ozone gây nên hiệu ứng nhà kính, tức là làm cho trái đất nóng lên đến mức độ nguy hiểm. Ở Tây Âu, các đảng "xanh" đã gây sức ép rất mạnh đòi phải có những hành động chung làm giảm ô nhiễm trong công nghiệp.

- Điều kiện kinh tế - xã hội

Phát triển kinh tế xã hội là quá trình nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần của con người qua việc sản xuất ra của cải vật chất, cải tiến quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng văn hoá. Phát triển là xu thế chung của

từng cá nhân và cả loài người trong quá trình sống. Giữa môi trường và sự phát triển có mối quan hệ hết sức chặt chẽ. Môi trường là địa bàn và đối tượng của sự phát triển, còn phát triển là nguyên nhân tạo nên các biến đổi của môi trường.

Trong hệ thống kinh tế xã hội, hàng hoá được di chuyển từ sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng cùng với dòng luân chuyển của nguyên liệu, năng lượng, sản phẩm, phế thải. Các thành phần đó luôn ở trạng thái tương tác với các thành phần tự nhiên và xã hội của hệ thống môi trường đang tồn tại trong địa bàn đó. Khu vực giao nhau giữa hai hệ thống trên là môi trường nhân tạo.

Tác động của hoạt động phát triển đến môi trường thể hiện ở khía cạnh có lợi là cải tạo môi trường tự nhiên hoặc tạo ra kinh phí cần thiết cho sự cải tạo đó, nhưng có thể gây ra ô nhiễm môi trường tự nhiên hoặc nhân tạo. Mặt khác, môi trường tự nhiên đồng thời cũng tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội thông qua việc làm suy thoái nguồn tài nguyên đang là đối tượng của hoạt động phát triển hoặc gây ra thảm họa, thiên tai đối với các hoạt động kinh tế xã hội trong khu vực.

Ở các quốc gia có trình độ phát triển kinh tế khác nhau có các xu hướng gây ô nhiễm môi trường khác nhau. Ví dụ:

Ô nhiễm do dư thừa: 20% dân số thế giới ở các nước giàu hiện sử dụng 80% tài nguyên và năng lượng của loài người.

Ô nhiễm do nghèo đói: những người nghèo khổ ở các nước nghèo chỉ có con đường phát triển duy nhất là khai thác tài nguyên thiên nhiên (rừng, khoáng sản, nông nghiệp...). Do đó, ngoài 20% số người giàu, 80% số dân còn lại chỉ sử dụng 20% phần tài nguyên và năng lượng của loài người.

Mâu thuẫn giữa môi trường và phát triển trên dẫn đến sự xuất hiện các quan niệm hoặc các lý thuyết khác nhau về phát triển:

Lý thuyết đình chỉ phát triển là làm cho sự tăng trưởng kinh tế bằng (0) hoặc mang giá trị (-) để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của trái đất.

Một số nhà khoa học khác lại đề xuất lấy bảo vệ để ngăn chặn sự nghiên cứu, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Năm 1992 các nhà môi trường đã đưa ra quan niệm phát triển bền vững, đó là phát triển trong mức độ duy trì chất lượng môi trường, giữ cân bằng giữa môi trường và phát triển.

- Các công cụ quản lý nhà nước về môi trường

Công cụ quản lý môi trường là các biện pháp hành động thực hiện công tác quản lý môi trường của nhà nước, các tổ chức khoa học và sản xuất. Mỗi một công cụ có một chức năng và phạm vi tác động nhất định, liên kết và hỗ trợ lẫn nhau.

Công cụ quản lý môi trường có thể phân loại theo chức năng gồm: công cụ điều chỉnh vĩ mô, công cụ hành động và công cụ hỗ trợ. Công cụ điều chỉnh vĩ mô là luật pháp và chính sách. Công cụ hành động là các công cụ có tác động trực tiếp tới hoạt động kinh tế - xã hội, như các quy định hành chính, quy định xử phạt v.v... và công cụ kinh tế. Công cụ hành động là vũ khí quan trọng nhất của các tổ chức môi trường trong công tác bảo vệ môi trường. Thuộc về loại này có các công cụ kỹ thuật như GIS, mô hình hoá, đánh giá môi trường, kiểm toán môi trường, quan trắc môi trường. Công cụ quản lý môi trường có thể phân loại theo bản chất thành các loại cơ bản sau:

Công cụ luật pháp chính sách bao gồm các văn bản về luật quốc tế, luật quốc gia, các văn bản khác dưới luật, các kế hoạch và chính sách môi trường quốc gia, các ngành kinh tế, các địa phương.

Các công cụ kinh tế gồm các loại thuế, phí đánh vào thu nhập bằng tiền của hoạt động sản xuất kinh doanh. Các công cụ này chỉ áp dụng có hiệu quả trong nền kinh tế thị trường.

Các công cụ kỹ thuật quản lý thực hiện vai trò kiểm soát và giám sát nhà nước về chất lượng và thành phần môi trường, về sự hình thành và phân bố chất ô nhiễm trong môi trường. Các công cụ kỹ thuật quản lý có thể gồm các đánh giá môi trường, xử lý môi trường, xử lý chất thải, tái chế và tái sử dụng chất thải. Các công cụ kỹ thuật quản lý có thể được thực hiện thành công trong bất kỳ nền kinh tế phát triển như thế nào.

Kết luận chương 1

Để đạt các mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo, khắc phục những tồn tại, vượt qua những thách thức do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập tạo ra, trong thời gian chúng ta tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về bảo vệ môi trường, trong đó cần tăng cường công tác quản lý của nhà nước đối với môi trường.

Quản lý nhà nước về môi trường là xác định rõ chủ thể quản lý là Nhà nước, bằng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đưa ra các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế xã hội quốc gia.

Quản lý một đối tượng vô cùng quan trọng và phức tạp như môi trường đòi hỏi những nguồn lực ngày càng nhiều trong khi phải bảo đảm nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Giải pháp tối ưu cho việc nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về môi trường là thực thi tiết kiệm và tăng hiệu quả. Tiết kiệm và hiệu quả là hai mặt liên quan chặt chẽ với nhau của quản lý môi trường: làm sao để với những nguồn vật chất và kỹ thuật, kinh tế và tài chính, lực lượng lao động xã hội, trình độ khoa học và công nghệ, v.v... hiện có và sẽ có trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, có thể khai thác, sử dụng tài nguyên một cách tốt nhất. Đó chính là yêu cầu của nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả của quản lý môi trường. Nguyên tắc này có thể được thực hiện thông qua việc hoạch định chính sách và chiến lược bảo vệ môi

trường của quốc gia, phù hợp với việc giảm tiêu hao tài nguyên và chi phí nguyên vật liệu bằng cách áp dụng kỹ thuật hiện đại, công nghệ tiên tiến có ít hoặc không có chất thải, cải tiến kết cấu sản phẩm, giảm khối lượng và trọng lượng; sử dụng các vật liệu thay thế các tài nguyên khan hiếm, tận dụng và tái chế phế liệu; tiết kiệm lao động ở tất cả mọi khâu của qui trình quản lý; bảo đảm đầu tư vật chất và tài chính có trọng điểm, tránh đầu tư dàn trải, phân tán, coi trọng đầu tư đồng bộ và có hệ thống cho quản lý môi trường, v.v...

Quản lý nhà nước về môi trường là thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Nhà nước về MT, phổ biến các chính sách của Nhà nước về MT đến mọi người; Tăng cường công tác cán bộ MT. Tuyên truyền, vận động mọi người mọi nhà sử dụng tiết kiệm và hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên; lồng ghép các vấn đề bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong việc lập qui hoạch của các ngành, lĩnh vực và các địa phương. Đẩy nhanh việc thực hiện và xử lý các vấn đề môi trường bức xúc trên địa bàn thành phố nói chung và quận 11 nói riêng.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Một số đặc điểm của quận 11 ảnh hưởng đến quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, hiện trạng môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Cùng với quận 6, quận 5, quận 11 nằm ở cửa ngõ thông thương giữa nội thành và vùng đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 5,13 km². Quận 11 tiếp giáp với Tân Bình, quận 10, quận 6, quận 5. Khu Tân Bình và quận 11 phát triển mạnh về công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đồng thời khu quận 6, quận 5 phát triển mạnh về thương mại – dịch vụ với hình thành các chợ và trung tâm thương mại nổi tiếng như chợ Bình Tây, trung tâm thương mại An Đông... Trong một thời gian dài quận 11 là quận ven so với khu vực nội thành cũ, tuy nhiên, với tốc độ đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh chóng, quận 11 hiện nay không còn là một quận ven mà đã trở thành một trong những quận trung tâm của thành phố.

Quận 11 chính thức có tên trên bản đồ Sài Gòn - Gia Định từ ngày 01/07/1969 theo sắc luật số 73 của chính quyền Sài Gòn cũ. Ban đầu gồm 4 phường được tách ra từ quận 5 và quận 6: Phường Phú Thọ (quận 5 cũ), phường Cầu Tre, Bình Thới, Phú Thọ Hòa (quận 6 cũ). Sau đó lập thêm 2 phường là Bình Thạnh và Phú Thạnh.

Sau ngày giải phóng 30/04/1975, địa bàn quận 11 được giữ nguyên với 6 phường và 47 khóm. Đến ngày 01/06/1976 được phân chia lại thành 21 phường. Sau nhiều lần điều chỉnh địa giới, đến nay quận 11 có 16 phường.

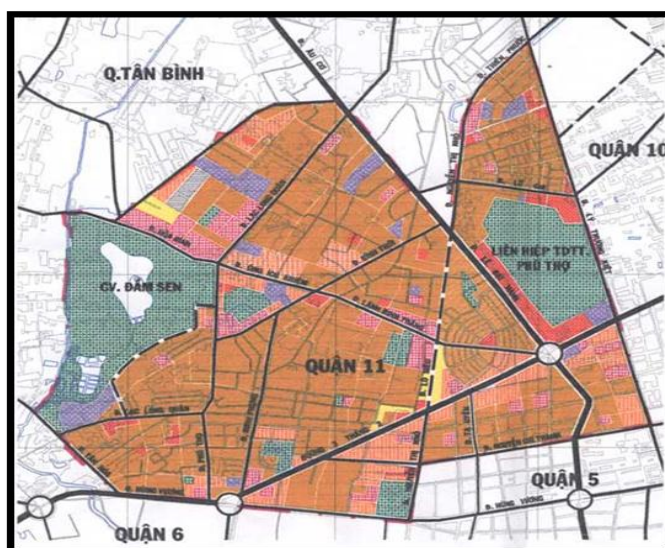
Tính đến cuối năm 2007, quận 11 có dân số là 230.014 người, trong đó có 120.562 người là nữ (tỷ lệ 52,41%). Đa số là người Kinh và người Hoa có 108.003 người (tỷ lệ 46,95%). Mật độ dân số trung bình 44.540 người/ km²

Quận 11 là một trong những trung tâm văn hóa lớn nhất của thành phố, với trung tâm văn hóa quận 11 và lớn nhất là khu trung tâm vui chơi, giải trí công viên văn hóa Đầm Sen.

Quận 11 là một trong 24 quận, huyện của thành phố Hồ Chí Minh. Quận chính thức được thành lập vào ngày 1 tháng 6 năm 1976.

- Phía bắc giáp quận Tân Bình, ranh giới là đường Âu Cơ, đường Nguyễn Thị Nhỏ và đường Thiên Phước.
- Phía nam giáp quận 5, ranh giới là đường Nguyễn Chí Thanh.
- Phía tây bắc giáp quận Tân Phú.
- Tây và Tây Nam giáp quận 6, ranh giới là đường Hùng Vương.
- Phía đông giáp quận 10, ranh giới là đường Lý Thường Kiệt.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ Quận 11



Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 (2010), Báo cáo về tình hình phân chia ranh giới hành chính của quận 11, T.P Hồ Chí Minh.

b. Điều kiện tự nhiên

1. Địa hình và địa chất công trình

Địa hình quận 11 tương đối bằng phẳng. Toàn bộ địa hình quận 11 nằm trên cao độ +2.00 (lấy theo hệ Mũi Nai). Đặc điểm địa chất công trình của loại đất này đa phần là thuộc khối phù sa cổ, cường độ chịu tải của đất là R^3 1,7 kg/cm².

2. Khí hậu

Khí hậu quận 11 mang đặc trưng của khí hậu Nam Bộ, chịu ảnh hưởng tính chất khí hậu nhiệt đới gió mùa. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

➤ Nhiệt độ: cao đều trong năm và ít thay đổi, trung bình 28°C, nhìn chung tương đối điều hòa trong năm. Nhiệt độ cao nhất là 39°C và thấp nhất là 25,7°C.

➤ Ẩm độ: trung bình cả năm vào khoảng 75%.

➤ Mưa: với vị trí là quận nội thành nên lượng mưa nhiều hơn ở các khu vực khác (trung bình 2.100mm). Mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 11, các tháng khác hầu như không có mưa.

➤ Gió: hướng gió thay đổi nhiều trong năm, chủ yếu là gió Tây Nam và Đông - Đông Nam. Tốc độ gió trung bình là 3m/s, mạnh nhất là 22,6 m/s. Hầu như không có bão (nếu có chỉ có gió cấp thấp do ảnh hưởng bão từ nơi khác đến).

➤ Bức xạ: tổng bức xạ mặt trời tương đối lớn là 368 Kcal/cm².

➤ Độ bốc hơi: Trung bình: 3,7 mm/ngày.

Cao tuyết đối: 13,8 mm/ngày.

3. Thủy văn

Trên địa bàn quận 11 không có nhiều kênh, rạch. Ngoài kênh Tân Hóa,

rạch Lò Gốm quận 11 hầu như không có nơi nào chứa nước mặt. Thoát nước chính của quận 11 trong mùa mưa là chảy ra rạch Nhiều Lộc, qua kênh Tân Hóa qua Quận 5 ra kênh Bến Nghé.

Trên cơ sở các yếu tố cơ bản của điều kiện tự nhiên ở quận 11. Người ta khái quát thành 3 kiểu sinh thái

Người ta đã khái quát hóa thành ba kiểu sinh thái cảnh - kiểu lập địa - mà, tương ứng với nó là ba hệ sinh thái thảm thực vật rừng tiêu biểu; rừng nhiệt đới ẩm mưa mùa, rừng úng phèn và rừng ngập mặn.

2.1.2. Hiện trạng về môi trường tại quận 11

** Nước sông*

Hiện trạng quận 11 không có sông.

** Nước hồ*

Hiện trạng quận 11 không có hồ.

** Kênh rạch*

Quận 11 không có sông hồ, thoát nước chủ yếu qua hệ thống cống và đê ra kênh Tân Hóa - Lò Gốm.

Kênh chính có chiều dài khoảng 7,6 km chảy qua 3 quận (Tân Bình, quận 11 và quận 6) theo hướng Đông Bắc - Tây Nam và kết thúc tại kênh Tàu Hũ các kênh nhánh có chiều dài khoảng 12,000 m. Lòng kênh hẹp và cạn, có nhiều nhà xây lấn chiếm dọc bờ kênh. Có 21 cây cầu, trong đó một số cầu tạo nên những điểm tắc nghẽn.

Đoạn kênh chảy qua quận 11 với chiều dài khoảng 800m nhưng 300 m thường xuyên bị tắc nghẽn do rác mà người dân vô ý thức thả và bùn đáy.

Trước khi cải tạo, kênh ô nhiễm nghiêm trọng. Nhiều đoạn kênh luôn bị tắc nghẽn do rác thải của một bộ phận người dân vẫn còn thói quen vứt rác, xả chất thải xuống kênh, các cơ sở sản xuất dọc theo kênh chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh mà thường xả thẳng xuống kênh.

Mạng lưới kênh rạch của thành phố bị ảnh hưởng mạnh bởi thủy triều, một số kênh còn bị ảnh hưởng từ nhiều hướng. Kết quả là các chất ô nhiễm vẫn còn lại trong kênh. Có thể thấy rõ ảnh hưởng của thủy triều dọc phần lớn kênh Tân Hóa – Lò Gốm. Nước trong kênh tan loãng vào nước sông rất chậm do tỉ trọng nước bị ô nhiễm cao hơn.

Sự thay đổi khí hậu theo mùa cũng ảnh hưởng đến mực nước và độ mặn của nước. Nước chảy tràn từ kênh tạo ra ngập lụt tại một số khu vực, thêm vào các khu bị ngập do nước mưa.

Hiện trạng kênh Tân Hóa – Lò Gốm

Đoạn kênh chảy qua địa bàn quận 11 có chiều dài 800 m nhưng khoảng 300 m từ vị trí cống xả hẻm 152 Lạc Long Quân đến khu vực chùa Giác Viên cũng thường xuyên bị tắc nghẽn do rác thải và bùn đáy. Càng về cuối tuyến kênh Tân Hóa - Lò Gốm (đoạn chảy qua quận 6), tình trạng ô nhiễm môi trường càng nghiêm trọng. Nước dưới dòng kênh đen đặc, mùi hôi bốc lên nồng nặc, nhiều miệng cống với dòng nước đỏ ngầu của vải nhuộm thoát ra từ các cơ sở sản xuất chảy thẳng ra kênh. Nhà trên kênh mọc san sát, khiến dòng chảy bị thu hẹp dần khi đến hạ nguồn. Trước thực trạng ô nhiễm nghiêm trọng của kênh Tân Hóa và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân. Chính phủ và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện dự án cải tạo và nâng cấp kênh Tân Hóa.

Sau khi dự án cải tạo kênh Tân Hóa hoàn thành, đã đem lại diện mạo mới cho thành phố nói chung và quận 11 nói riêng.

Sau khi cải tạo và nâng cấp, đã có 2.501m cống hộp bê tông cốt thép được đổ tại chỗ, hoàn thành 7.863m dài kè hai bên bờ kênh, xây dựng 11,515m đường lưu thông trên công hộp có từ 2 tới 4 làn xe và đường dọc kênh hờ với một hoặc 2 làn xe. Trong đó đường rộng 13m dài khoảng 7.397m với chiều rộng 20m dài khoảng 1.050m. Hệ thống cống bao, giếng tác dòng nước thải sinh hoạt và nước thải do mưa với chiều dài 7.530m, độ sâu cống từ

4,5m – 8,7m.

Các công trình giao thông với 10 cây cầu bắc qua kênh từ nguồn vốn dư của hiệp định tín dụng bổ sung thêm việc xây dựng lại hai cây cầu mới là cầu ông Buông 1,2. Hệ thống chiếu sáng toàn tuyến gồm 1.317 đèn, hạng mục cảnh quan với diện tích 14.000m² kết hợp hệ thống đường và môi trường xung quanh gồm caanh xanh, mảng xanh, bụi hoa, thảm cỏ...

Dự án trên giúp 7 triệu người dân TP. Hồ Chí Minh, trong đó 2,5 triệu người được hưởng lợi trực tiếp từ kết quả đầu tư công trình.

Qua 3 năm triển khai thi công, dự án hoàn thành góp phần giảm ngập và mùi hôi thối, giảm thiểu ùn tắc giao thông và các tệ nạn xã hội. Đời sống người dân thay đổi rõ rệt, giá trị nhà đất tại khu vực này cũng tăng lên gấp 4 - 5 lần so với trước.

** Nước ngầm*

Nước ngầm trên địa bàn quận 11 không bị ô nhiễm nhiều.

- Nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình (bể tự hoại) là một nguyên nhân gây ô nhiễm nước ngầm tầng nông. Hầu hết các hộ gia đình cho nước thải đầu ra sau bể tự hoại tự thấm xuống đất.

-Nước thải từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ: Qua khảo sát hầu hết nước thải từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ đều được đầu nối nước thải vào hệ thống cống thoát nước đô thị.

- Các nguồn ô nhiễm khác: Nước thải từ các bệnh viện chảy thẳng vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải từ các khách sạn, nhà hàng... Bên cạnh đó, quá trình khoan, san lấp giếng và khai thác nguồn nước không đúng cách đã gây cạn kiệt, nước chảy bề mặt thấm xuống gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Bảng 2.1: Các tiêu chuẩn nước ngầm – nước sinh hoạt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TCVN 5944-1995	TC 1329/2002/BYT-QĐ
1	Ph		6,5 - 8,5	
2	Màu	Pt – Co	5 – 50	
3	Độ cứng (as CaCO ₃)	mg/l	300 – 500	300
4	Total solids	mg/l	750 – 1500	1000
5	Arsen	mg/l	0,05	0,01
6	Cadmium	mg/l	0,01	0,003
7	Clor	mg/l	200 – 600	250
8	Chì	mg/l	0,05	0,01
9	Chrom (VI)	mg/l	0,05	0,05
10	Xianua	mg/l	0,01	0,07
11	Đồng	mg/l	1,0	2
12	Fluor	mg/l	1,0	0,7 – 1,5
13	Kẽm	mg/l	5,0	3
14	Nitrat	mg/l	45	50
15	Phenol compound	mg/l	0,001	-
16	Sắt	mg/l	1 – 5	0,5
17	Sulphate	mg/l	200 – 400	250
18	Thủy ngân	mg/l	0,001	0,001
19	Selen	mg/l	0,01	0,01
20	Fecal coli	MPN/100 ml	Không	0
22	Coliform	MPN/100 ml	3	0

Nguồn: Quyết định 1329/2002/BYT-QĐ (2002), về ban hành tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống, Hà Nội.

Các thông số đo đặc chất lượng nước dưới đất

Trong tổng số 87 mẫu phân tích hoá học trên địa bàn 16 phường trên quận 11, 16 mẫu phân tích vi sinh, có nhiều mẫu không đạt TC. Hiện nay TC đang được sử dụng để so sánh đánh giá là TCVN 5944 - 1995 (đối với nước ngầm).

Theo bảng 2.2 ta có thể đánh giá tình trạng ô nhiễm của nước qua tổng số 87 mẫu như sau:

Bảng 2.2: Hàm lượng trung bình các chỉ tiêu hoá sinh của các mẫu phân tích trong nhiều năm

	pH	Độ cứng toàn phần (mg CaCO ₃)	Clorua (mg/l)	Amoni um (mg/l)	Nitrit (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Sulfat (mg/l)	Sắt (mg/l)	Tổng coliform	Fecal coliform
TCVN 5944-1995	6,5-8,5	300-500	200-600			45	200-400	1-5	3	0
Trung bình	4,47	22,2	79,48	3,05	0,315	18,68	3,75	0,80	0,5	1115,9
Cao nhất	7,78	155,0	778,1	45,0	22,1	90,6	40,0	12,0	3	15.000
Thấp nhất	3,24	0	0,06	0	0,4	0	0	0	0	0
Tỉ lệ đạt tiêu chuẩn	82/87	87/87	86/87			84/87	87/87	82/87	6/6	6/16

Nguồn: Sở TNMT Thành phố Hồ Chí Minh (2013 - 2015), về hàm lượng trung bình các chỉ tiêu hoá sinh của các mẫu phân tích, T.P Hồ Chí Minh.

Độ pH: hầu hết các mẫu cho kết quả nhỏ hơn TC. Độ pH trung bình là 4,47, mức phổ biến thường dao động từ 3,5-5,0.

Độ cứng toàn phần: tất cả các mẫu đều đạt TC. Hàm lượng trung bình là 22,2mgCaCO₃/l, thay đổi từ 0 – 155,0 mgCaCO₃/l.

Các hợp chất Clorua (Cl⁻): hầu hết chưa có sự biểu hiện của sự nhiễm mặn trong nước. Hàm lượng trung bình là 79,48 mg/l, trong đó có một mẫu vượt quá TC (200-600 mg/l) xuất hiện ở phường 7 (200-600 mg/l) với hàm lượng 778,1 mg/l.

Các hợp chất của Nitơ Amonium, Nitrit, Nitrat (NH₄⁺, NO₂⁻, NO₃⁻): dựa vào mức độ có mặt của các hợp chất Nitơ có trong nước, ta có thể đánh giá mức độ ô nhiễm của nguồn nước:

+ Hàm lượng amonium: hàm lượng trung bình là 3,05 mg/l, tầng chứa có dấu hiệu nhiễm bản nhưng hàm lượng không cao lắm, điều này cho thấy nguồn gây ô nhiễm vẫn còn ảnh hưởng đến nguồn nước.

+ Hàm lượng Nitrat: hầu hết các mẫu phân tích cho thấy hàm lượng Nitrat lớn hơn 0, và vẫn nằm trong TC. Nhưng có 3 mẫu vượt TC ở phường 5 (45,6 mg/l) và phường 10 (70,4 mg/l và 90,6 mg/l). Hàm lượng trung bình là 18,81 mg/l, thay đổi từ 0,5 – 45,6 mg/l. Tuy chỉ mức độ nhẹ nhưng đã diễn ra trong thời gian khá dài.

+ Hàm lượng Nitrit: nước có hàm lượng Nitrit khá thấp 0,315 mg/l so với TC, đa số các mẫu thử đều đạt TC, chỉ có một số mẫu thử vượt tiêu chuẩn với hàm lượng cao nhất là 22,1 mg/l. Từ đó ta thấy nước bị nhiễm bản lâu hơn so với Amonium.

Các hợp chất Sunfat (SO₄²⁻): các mẫu đều cho kết quả nằm trong TC. Hàm lượng trung bình là 3,75 mg/l, thay đổi từ 0 – 30,4mg/l.

Sắt: có 5 mẫu vượt TC (phường 3, 4, 7, 10), trong đó hàm lượng cao nhất ở phường 10 (trên 11,0 mg/l), thay đổi từ 0 – 12,0 mg/l.

Các chỉ tiêu vi sinh: hầu hết các mẫu phân tích gần đây đều cho kết quả đạt tiêu chuẩn.

Nhận xét: trong tổng số 87 mẫu chỉ có 3 mẫu hoàn toàn đạt TC (1 mẫu phường 6, 2 mẫu phường 10), nước có độ pH thấp, có dấu hiệu nhiễm bẩn các hợp chất Nitơ, xuất hiện nhiễm sắt ở các phường 3, 4, 7, 10. Các năm gần đây chưa có biểu hiện nhiễm vi sinh.

Hầu hết các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn quận 11 nói chất lượng nước dưới đất rất tốt không thấy vấn đề ô nhiễm, một số trường hợp đóng góp ý kiến là nước có phen đề nghị thường xuyên đi quan trắc nước dưới đất.

** Hệ thống thoát nước và thu gom nước thải*

- Hệ thống thoát nước mưa

Cơ sở hạ tầng hệ thống thoát nước mưa tại Quận 11:

Thời gian gần đây, những cơn mưa to cộng với triều cường lịch sử, tình trạng ngập lụt tại thành phố Hồ Chí Minh nói chung và quận 11 nói riêng đang diễn biến phức tạp tăng về cả mực nước và thời gian ngập. Những nguyên nhân được lý giải là do san lấp kênh rạch tràn lan, thi công cầu thả, tăng dân số... và quan trọng là hệ thống thoát nước đô thị kém, chấp vá quá tải do được xây dựng cách đây 40 năm. Hệ thống tiêu thoát nước cho địa bàn quận 11 chủ yếu là qua hệ thống kênh Tân Hóa - Lò Gốm. Độ dốc kênh Tân Hóa rất nhỏ, đáy kênh bị lấp đầy bởi các vật chất lắng đọng từ nước thải đô thị và rác rưởi ném từ các hộ dân cư sinh sống và ven kênh rạch, do đó khả năng thoát nước rất kém, những tuyến cống mới xây dựng chấp vá, không có quy hoạch. Kết quả là chất ô nhiễm bị tồn đọng trong kênh và đang bị tích tụ dần.

Tóm lại hệ thống thoát nước quận 11 hiện nay vẫn còn chưa đáp ứng được nhu cầu thoát nước, tình trạng ngập lụt vẫn diễn ra thường xuyên, trên diện rộng, đặc biệt khi có mưa lớn. Tình trạng này ảnh hưởng không nhỏ đến

bộ mặt cảnh quan đô thị cũng như đời sống sinh hoạt, công việc của người dân. Tuy nhiên để giải quyết được tình trạng này không chỉ cần đến các biện pháp hữu hiệu của các cơ quan chuyên trách mà còn có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các cơ quan ban ngành cũng như ý thức của toàn xã hội.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

Phần lớn nước thải sinh hoạt được thu gom bằng hệ thống mương thoát nước, sau đó tập trung về trạm xử lý nước thải (Bình Tân) và nước thải sau khi xử lý chảy theo hệ thống đường ống xả ra kênh Tân Hóa.

** Hiện trạng môi trường không khí và tiếng ồn*

** Không khí*

Hiện nay, trên địa bàn quận 11 tình trạng ô nhiễm không khí đang có dấu hiệu ô nhiễm nặng, đặc biệt tại các khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất như phường 3,5,8,10,15,16.

Chất lượng môi trường không khí tại một số tuyến đường chính trên địa bàn quận bị ô nhiễm, cụ thể là các điểm giao thông ô nhiễm bụi khá cao vượt QCVN 05:2009/BTNMT từ 2-3 lần. Khí thải, mùi hôi, tiếng ồn của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ nằm xen kẽ trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường cục bộ cũng đang là vấn đề đáng quan tâm hiện nay.

Ô nhiễm không khí ngày càng gia tăng trên địa bàn quận 11, do các cơ sở sản xuất không xây dựng hệ thống xử lý khí thải, khí thải sau quá trình sản xuất được thải trực tiếp ra môi trường bên ngoài gây ô nhiễm trầm trọng.

Ô nhiễm chất lượng không khí chủ yếu do bụi lơ lửng và từ các hoạt động thi công xây dựng. Tình trạng khói thải của các phương tiện giao thông hằng ngày cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng không khí.

** Tiếng ồn*

Chất lượng môi trường không khí tại một số tuyến đường chính trên địa bàn quận bị ô nhiễm, cụ thể là các điểm giao thông ô nhiễm bụi khá cao vượt

QCVN 05:2009/BTNMT từ 4-6 lần. Khí thải, mùi hôi, tiếng ồn của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ nằm xen kẽ trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường cục bộ cũng đang là vấn đề đáng quan tâm hiện nay.

Tiếng ồn gây ra từ các phương tiện lưu thông trên đường phố hằng ngày.

Tiếng ồn gây ra từ các công trình xây dựng trên địa bàn quận 11 (nhà ở, trường học, cơ sở y tế...).

Tiếng ồn gây ra trong các hoạt động sinh hoạt của người dân.

Tiếng ồn gây ra từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại.

Hiện nay, trên địa bàn quận 11 tình trạng ô nhiễm tiếng ồn đang ngày càng gia tăng và không có xu hướng giảm, đặc biệt tại các khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất như phường 3,5,8,10,15,16.

**Thu gom và vận chuyển rác*

Hoạt động thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại quận 11

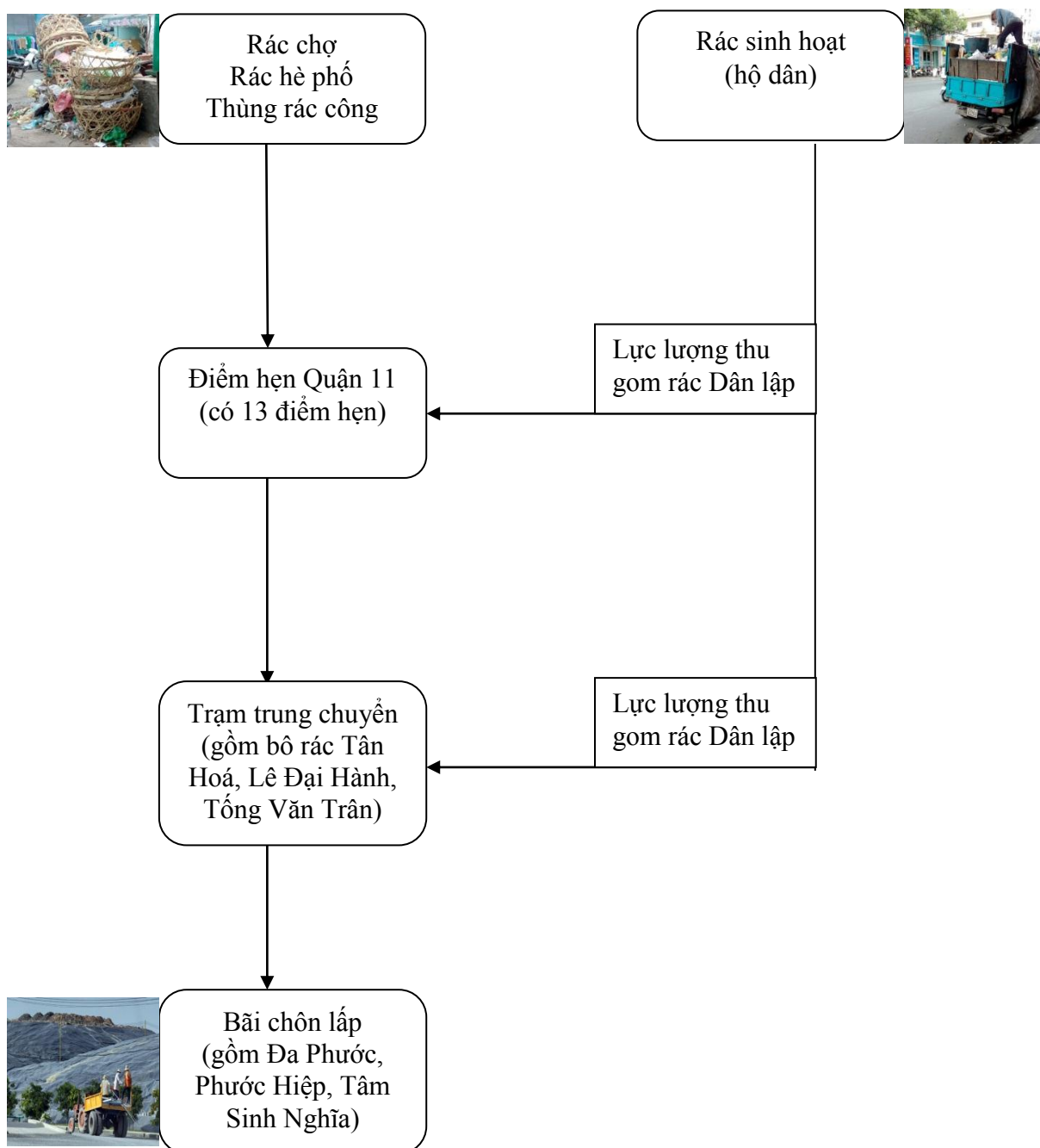
Có 2 loại hệ thống trung chuyển và vận chuyển rác trên địa bàn quận 11

Rác từ (các chợ, rác hè phố, các thùng rác công cộng) được Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận 11 thu gom và quét dọn đưa đến *điểm hẹn (điểm tập kết)* rác trên địa bàn quận 11 (có 13 điểm hẹn). Sau đó từ điểm tập kết rác Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận 11 vận chuyển rác đến *trạm trung chuyển* (có 3 loại trạm trung chuyển: bờ rác Tân Hoá, Tống Văn Trân, Lê Đại Hành). Tuy nhiên theo lộ trình được UBND quận 11 và Sở TNMT phê duyệt bắt buộc Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận 11 vận chuyển rác đến trạm trung chuyển là bờ rác Tống Văn Trân. Cuối cùng từ trạm trung chuyển (bờ rác Tống Văn Trân) vận chuyển rác đến bãi chôn lấp để xử lý (gồm 3 địa điểm: Đa Phước, Phước Hiệp, Tâm Sinh Nghĩa).

Rác sinh hoạt từ các hộ dân được lực lượng thu gom rác dân lập thu gom. Lực lượng thu gom rác dân lập có 2 lựa chọn:

Lực lượng thu gom rác dân lập vận chuyển rác trực tiếp đến trạm trung chuyển. Cuối cùng từ 3 trạm trung chuyển này vận chuyển rác đến bãi chôn lấp để xử lý (gồm 3 địa điểm: Đa Phước, Phước Hiệp, Tâm Sinh Nghĩa).

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ hệ thống trung chuyển và vận chuyển rác tại quận 11



Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 (2013), Báo cáo về tình hình trung chuyển và vận chuyển rác trên địa bàn quận 11 T.P Hồ Chí Minh.

Hình 2.1. Trạm trung chuyển (bô rác Tân Hoà)



Trạm trung chuyển Tống Văn Trân (bô rác Tống Văn Trân) chủ yếu tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt và trạm trung chuyển Lê Đại Hành (bô rác Lê Đại Hành) chủ yếu tiếp nhận chất thải rắn xây dựng như: xà bần, gỗ, thép, bê tông, đất, cát... Thuộc Công ty Môi trường Đô thị thành phố quản lý.

Hình 2.2. Trạm trung chuyển (bô rác Lê Đại Hành và bô rác Tống Văn Trân)



*Cây xanh đô thị

Quá trình chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố trong các năm qua đã làm quận 11 thay đổi một cách nhanh chóng, nhiều tuyến đường mới được mở trong đó có những tuyến đường được đánh giá là đẹp như đường 3 tháng 2, Bình Thới, Lê Đại Hành..., các công viên (công viên văn hóa Đầm Sen) có

mật độ cây xanh khá cao, đó chính là lá phổi duy nhất của quận 11 . Bên cạnh việc chỉnh trang đô thị thì việc đầu tư cho hạng mục cây xanh cũng được quan tâm đúng mức, đồng bộ. Tuy nhiên mật độ che phủ cây xanh vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu về cảnh quan và bóng mát đường phố, vẫn còn cách quá xa so với tiêu chuẩn cây xanh đô thị ($5m^2/\text{người}$) và mới đảm bảo chống ô nhiễm môi trường, giữ cân bằng sinh thái.

** Môi trường đất*

Trong những năm qua tình trạng ô nhiễm đất xảy ra ở một vài nơi trên địa bàn quận 11. Dầu thải từ các kho xăng dầu, các cơ sở cán kéo sắt thép, các cửa hàng xăng dầu và các trạm rửa xe, bảo hành xe ô tô, xe máy,... cũng góp phần làm ô nhiễm đất.

2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về môi trường tại quận 11, thành phố trong thời gian qua

Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, và tình trạng ô nhiễm môi trường, quận 11 đã và đang tập trung thực hiện một số hoạt động chính như sau:

Triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2014; tổ chức tuyên truyền sâu rộng, phổ biến nội dung của Luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành trong toàn hệ thống chính trị tại địa phương; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường..

Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả; tiếp tục đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý môi trường, đặc biệt là cán bộ ở cấp huyện, xã. Trước mắt cần tập trung triển khai hiệu quả Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa

phương” và Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường, ưu tiên cấp quận, huyện, phường, xã”.

Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch bảo vệ môi trường của địa phương, bảo đảm chi đủ và chi đúng, mức chi theo tốc độ phát triển kinh tế. Tăng cường xã hội hoá mạnh mẽ các nguồn đầu tư cho bảo vệ môi trường; đa dạng hóa nguồn đầu tư cũng như tăng tỷ lệ đầu tư cho môi trường từ nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn ODA thông qua việc hướng dẫn, triển khai có hiệu quả quy định về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản; thực hiện công khai thông tin các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định; xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; hoàn thiện và triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Triển khai các hoạt động khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái nặng; trong đó tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia Khắc phục và cải thiện ô nhiễm môi trường giai đoạn 2012-2015; tổ chức xây dựng hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu Hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm

môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích giai đoạn 2016-2020, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Tiếp tục nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và hoạt động sau thẩm định; thực hiện tốt công tác phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm thông qua việc tổ chức xây dựng và hướng dẫn triển khai các văn bản về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, đất, kiểm soát phát thải hóa chất nguy hại; hướng dẫn áp dụng và đánh giá hiệu quả của hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

2.2.1. Thực trạng về bộ máy quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn quận 11 thành phố Hồ Chí Minh

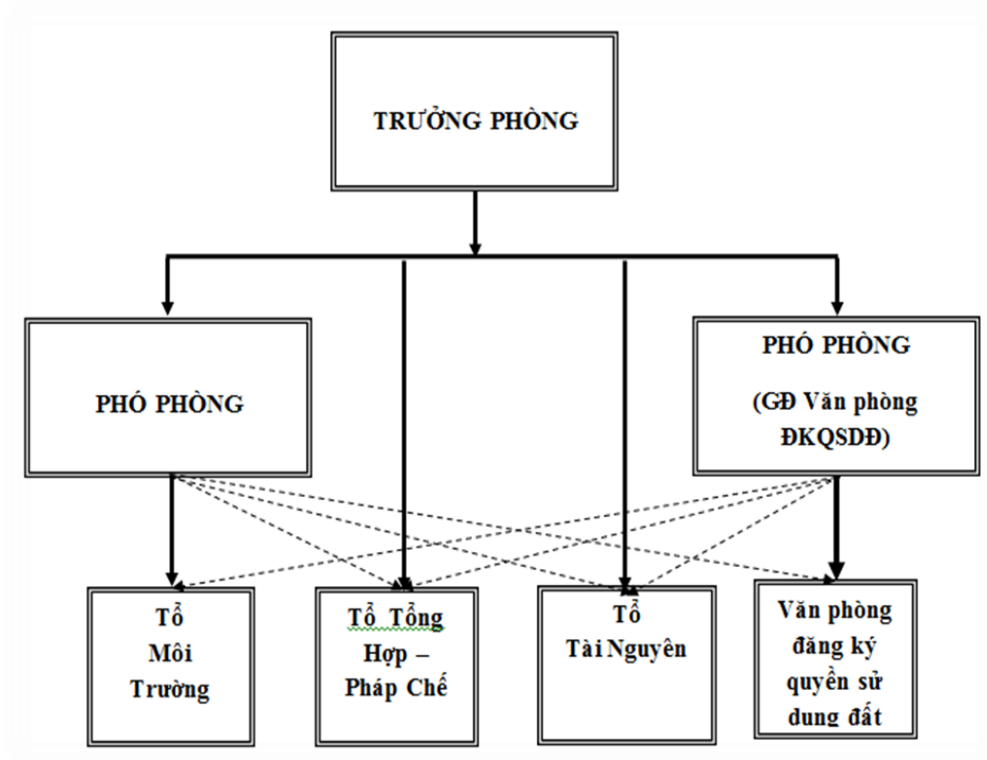
Công tác quản lý nhà nước về môi trường ở quận 11 chịu trách nhiệm chính là Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11. Phòng Tài Nguyên và Môi trường được thành lập ngày 1 tháng 05 năm 2005 theo *quyết định số 26/QĐ-UB*.

Phòng Tài Nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận 11 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường trên địa bàn quận. Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của UBND quận.

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận chịu sự chỉ đạo quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND quận đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.

Ở cấp phường xã, ủy ban nhân dân 16/16 phường đều có cán bộ môi trường, do đồng chí Phó chủ tịch đô thị của phường phụ trách. Các cán bộ môi trường này đa số là kiêm nhiệm (12/16 phường là kiêm nhiệm).

Sơ đồ 2.3. Cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11.



Ghi chú:

- 1 —————> **Cấp chỉ đạo trực tiếp**
 2 -----> **Phối hợp**

Nguồn: UBND quận 11 TP.Hồ Chí Minh (2005), Quyết định số 26/QĐ-UB ngày 01/05/2005 của UBND về việc thành lập Phòng TNMT, T.P Hồ Chí Minh.

Nguồn nhân lực hiện tại có 18 cán bộ hoạt động trong lĩnh vực quản lý môi trường bao gồm cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm ở cấp quận đến cấp phường.

Việc quản lý nhà nước về môi trường được thực hiện bởi một bộ máy từ cấp quận đến cấp phường, có sự tham gia đồng thời của nhiều ban ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về môi trường được sâu

sát hơn đến từng phường.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý nhà nước về môi trường chưa hoàn thiện, trình độ năng lực của cán bộ cấp phường còn hạn chế về mặt chuyên môn (do làm công tác kiêm nhiệm), số lượng cán bộ còn khá mỏng sẽ dẫn đến kết quả là hoạt động này sẽ không mang tính thống nhất và tính lệ thuộc.

2.2.2. Công tác triển khai, thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước về môi trường tại quận 11

**Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến và thực thi các văn bản pháp luật về môi trường*

Trong những năm qua, quận 11 đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách và văn bản pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường dưới nhiều hình thức như tập huấn, tổ chức các hội thi giữa các phường, phát động các phong trào, chiến dịch và xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường.

**Xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường*

Xã hội hóa công tác môi trường với mục tiêu nhằm nâng cao trách nhiệm của cộng đồng đối với việc bảo vệ môi trường đồng thời tận dụng được nguồn nhân lực vốn có của xã hội để đầu tư, xây dựng và phát triển các công trình trong công tác bảo vệ môi trường bước đầu khá hiệu quả đã làm giảm ô nhiễm được đáng kể, chất lượng môi trường được cải thiện hơn trước

Tuy nhiên một số lĩnh vực chưa xã hội hóa như: cây xanh, năng lượng, thoát nước, quan trắc và phân tích môi trường, công nghệ môi trường... điều này đã làm giảm hiệu quả công tác quản lý môi trường.

**Công tác quản lý hoạt động thu gom rác thải*

Thu gom rác thải

Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận 11 chủ yếu phát sinh từ các nguồn:

Rác đường phố .

Rác trường học.

Rác tại các chợ.

Rác tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ.

Bảng 2.3. Lượng rác thải trung bình của 1 người/ ngày

Phường	Số hộ dân	Dân số trung bình (người)	Kg/ngày
Phường 1	3.499	14.591	14.299,18
Phường 2	2.980	12.462	12.212,76
Phường 3	5.800	23.038	22.577,24
Phường 4	2.159	10.503	10.292,94
Phường 5	7.359	29.362	28.774,76
Phường 6	2.808	11.005	10.784,9
Phường 7	3.022	11.018	10.797,64
Phường 8	3.724	14.549	14.258,02
Phường 9	2.270	9.565	9.373,7
Phường 10	2.622	10.438	10.229,24
Phường 11	3.633	13.916	13.637,68
Phường 12	2.547	10.654	10.440,92
Phường 13	3.275	13.366	13.098,68
Phường 14	4.649	17.676	17.322,48
Phường 15	3.026	10.813	10.596,74
Phường 16	3.628	14.904	14.605,92
Tổng cộng	57.001	227.860	223.302,8

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 (2014), Báo cáo tình hình rác thải trung bình của 1 người/ngày trên địa bàn quận 11, T.P Hồ Chí Minh.

Tổng lượng rác sinh hoạt tại hộ gia đình năm 2014:

Dân số (người) \times 0,98 kg/ngày = 227.860 \times 0,98

= 223.302,8 kg/ngày.

= 223,3028 tấn/ngày.

Thực hiện quy trình thu gom rác thải trên địa bàn quận 11 thì UBND quận 11 giao cho UBND phường và Phòng TNMT quản lý các đầu thu gom rác :

Ủy ban nhân dân Phường

Quản lý lực lượng thu gom rác Dân lập.

Phòng Tài nguyên và Môi trường

Quản lý Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích Quận 11.

Quản lý lực lượng thu gom rác Dân lập.

Quản lý các Công ty Môi trường tư nhân.

Phối hợp với Công ty Môi trường Đô thị thành phố.

Công ty TNHH Dịch vụ công ích

Với đội ngũ công nhân 120 người, chia làm 5 đội, trang bị 3 xe ép chuyên dụng (loại 5 tấn và 2 tấn) và 93 thùng 660 lít, hiện nay công ty chỉ thu gom rác đường phố, thùng rác công cộng, rác thải từ một số đơn vị sự nghiệp, công ty tư nhân, cụ thể như sau:

Quét thu gom rác đường phố: tổng diện tích quét là 673.965 m²/ ngày, thực hiện quét rác đường phố 3 ca/ ngày. Ngoài ra, trên tuyến đường kiểu mẫu của quận (đường Nguyễn Chí Thanh, đường 3-2) có 1 ca tăng cường từ 8 giờ đến 10 giờ.

Thu gom rác thùng công cộng: số lượng thùng rác công cộng trên địa bàn quận tính đến tháng 4/2015 là 204 thùng thực hiện thu gom rác 3 ca/ngày đồng bộ với thời gian quét đường.

Thực hiện thu gom rác sinh hoạt theo hợp đồng dịch vụ với 75 đơn vị (trong đó có 3 chung cư 41 chủ nguồn thải nhóm 1, 1 cơ sở thuộc nhóm 2, 30 cơ sở thuộc nhóm 3).

Thu gom chất thải rắn y tế: tổng số cơ sở y tế công ty đang thực hiện thu gom tính đến tháng 4/2015 là 381 cơ sở, với 5 xe máy được trang bị thùng chứa theo quy định và 5 đội trưởng, 5 công nhân trực tiếp thu gom.

Lực lượng thu gom rác dân lập

Thực hiện mô hình quản lý rác dân lập theo quyết định số 5424/1998/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/10/1998 của UBND, đến nay đã hoàn thành tổ thu gom rác dân lập ở 16 phường. UBND phường trực tiếp quản lý các tổ và cá nhân thu gom rác dân lập trên địa bàn quận thông qua cán bộ phụ trách môi trường (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm).

Nguồn gốc nghiệp đoàn rác dân lập, hợp tác xã thương mại dịch vụ Thông Hiệp Phát được thành lập từ 8/2010. Theo báo cáo của hợp tác xã thương mại dịch vụ Thông Hiệp Phát số lượng xã viên hiện nay là 30 người, hoạt động thu gom rác dân lập trên 16 phường với tổng số 1367 hộ gia đình và 6 hộ thuộc nhóm 3, không có hộ thuộc nhóm 1, 2.

Ngoài ra trong quá trình thực hiện thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường theo quyết định 88 của UBND thành phố, một số đường dây thu gom rác dân lập thành lập các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH để hoạt động độc lập. Tổng số đường dây rác dân lập trên địa bàn quận khoảng 200 đường dây giờ giấc thu gom chưa thống nhất do hoạt động đa beo trên bìa bàn phường/ quận khác nhau.

Với dân số trung bình năm 2015 là 236.065 người, và tỷ lệ phát thải 0.98 người/ ngày thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt là 231 tấn/ ngày, lượng chất thải thu gom hiện nay là 220 tấn/ ngày chiếm 95,2%, trong đó công ty TNHH MTV DVCI quận thu gom 20 tấn/ ngày và hợp tác xã công nông thu gom khoảng 200 tấn/ ngày.

** Công tác thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường*

Phí vệ sinh môi trường: Là khoản phí trả cho việc thu gom, xử lý rác thải đô thị. Đây là công cụ kinh tế được sử dụng khá sớm. Về cơ bản loại phí này được sử dụng ở khu vực đô thị, mức phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định, do vậy, mức phí thu có thể khác nhau phụ thuộc vào từng địa phương.

Phí BVMT: Là khoản tiền mà tổ chức, hộ gia đình xả thải ra môi trường hoặc có hoạt động làm phát sinh nguồn tác động xấu đối với môi trường phải nộp vào ngân sách nhà nước nhằm đầu tư lại vào hoạt động BVMT.

Đối tượng nộp phí gồm: các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ quét dọn, thu gom, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải rắn.

Đối tượng được miễn nộp phí gồm: các hộ gia đình thuộc diện xóa đói giảm nghèo.

Trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại (công nghiệp, y tế), phải đảm bảo thực hiện từ khâu thu gom đến việc vận chuyển và xử lý loại chất thải này theo qui định hiện hành.

Bảng 2.4. Tổng hợp số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, doanh nghiệp thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường nộp ngân sách hàng tháng của 16 phường (theo danh sách các phường cung cấp) năm 2015

Phường	Nhóm 1		Nhóm 2		Tổng cộng nhóm 1+2 (đồng/tháng)
	Số cơ sở	Số tiền (đồng/tháng)	Số cơ sở	Số tiền (đồng/tháng)	
1	98	3.332.000	5	295.000	3.627.00
2	234	7.956.000	4	236.000	8.192.000
3	83	2.822.000	8	472.000	3.294.000
4	87	2.958.000	10	590.000	3.548.000
5	146	4.964.000	11	649.000	5.613.000
6	98	3.332.000	0	0	3.332.000
7	150	5.100.000	0	0	5.100.000
8	324	11.016.000	0	0	11.016.000
9	90	3.060.000	0	0	3.060.000
10	110	3.740.000	7	413.000	4.153.000
11	108	3.672.000	0	0	3.672.000
12	87	2.958.000	3	177.000	3.135.000
13	92	3.128.000	0	0	3.128.000
14	94	3.196.000	0	0	3.196.000
15	31	1.054.000	92	5.428.000	6.482.000
16	300	10.200.000	33	1.947.000	12.147.000
Cộng	2.132	72.488.000	173	10.207.000	82.695.000

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 (2015), Báo cáo về việc thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường nộp ngân sách hàng tháng của các cơ sở kinh doanh, sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn quận 11, TP.HCM.

Sự quản lý nhà nước về môi trường trong công tác thu phí bảo vệ môi trường và phí vệ sinh môi trường khá hiệu quả, nguồn ngân sách thu phí ngày càng tăng góp phần tăng ngân sách chi cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm.

**Công tác thanh tra, kiểm tra môi trường*

Nhìn chung công tác kiểm soát ô nhiễm đã được triển khai đều đặn hằng năm. Quận 11 đã tiến hành thanh tra, kiểm tra thường xuyên về việc thực hiện bảo vệ môi trường và sau khi cấp phép, thẩm định ở các cơ sở, đơn vị sản xuất, công ty, nhà hàng, quán ăn...

Những năm gần đây, công tác thanh, kiểm tra về môi trường, đấu tranh phòng chống tội phạm và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường đã mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái môi trường ở nhiều khu vực. Chính vì thế, công tác thanh, kiểm tra môi trường cần được tăng cường, tiến hành liên tục để có thể phát hiện và xử phạt kịp thời các vi phạm về môi trường, đánh giá tổng thể việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường ở các cơ sở, doanh nghiệp, hạn chế được vấn đề ô nhiễm, suy thoái môi trường đang hết sức nóng bỏng.

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường, nhận thấy các hành vi vi phạm môi trường ngày càng tinh vi và hết sức đa dạng. Vì vậy, đối với mỗi trường hợp vi phạm về môi trường khi phát hiện được, ta cần tìm hiểu sâu nguyên nhân dẫn đến vi phạm đó.

Công tác thanh kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường đã được tăng cường, việc xử lý các hành vi vi phạm cũng nghiêm khắc hơn. Tuy nhiên vẫn còn nhiều doanh nghiệp vi phạm nguyên nhân chủ yếu là:

Doanh nghiệp chưa quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, chưa tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Ý thức chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường chưa cao, chưa có thái độ hợp tác với đoàn thanh tra kiểm

tra, còn có hiện tượng vận hành hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải với đoàn thanh kiểm tra.

Nhân sự chuyên trách môi trường của doanh nghiệp thường xuyên thay đổi hoặc kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn dịch vụ môi trường. Mặc dù có nhiều đợt tập huấn về công tác bảo vệ môi trường nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn chưa nắm được những quy định chung về trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường.

Việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải của doanh nghiệp còn chậm so với kế hoạch do gặp khó khăn về giá cả vật tư, thay đổi điều chỉnh thiết kế.

Một số quy định, thủ tục trong việc cấp các văn bản liên quan đến bảo vệ môi trường còn rườm rà, khó khăn hoặc các quy định không phù hợp thực tế gây tâm lý e ngại cho các doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp có phát sinh CTNH nhưng với số lượng rất ít, không đáng kể nên việc ký hợp đồng thu gom CTNH với các đơn vị chức năng rất khó thực hiện, hoặc có thực hiện được doanh nghiệp phải tốn kém chi phí.

Trước sự kiểm tra, nhắc nhở xử lý không nghiêm hoặc chưa có những biện pháp cưỡng chế đối với các doanh nghiệp vi phạm, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp buộc tạm ngưng hoạt động. Các hình thức chế tài còn nhẹ so với chi phí doanh nghiệp phải bỏ ra để xử lý ô nhiễm môi trường.

Công tác thanh kiểm tra môi trường chưa được tiến hành thường xuyên liên tục do đội ngũ cán bộ thanh kiểm tra môi trường còn thiếu.

Tuy nhiên, thủ tục thanh tra, kiểm tra còn quá rườm rà, xử phạt nhiều khung không rõ ràng, yêu cầu báo cáo quá nhiều gây lãng phí thời gian và phiền hà cho các cơ sở công nghiệp. Việc đình chỉ sản xuất, buộc di dời hàng loạt các cơ sở trong vùng trong cùng một lúc sẽ tạo ra môi trường xã hội khá

phức tạp với nhiều doanh nghiệp bị phá sản và tăng số lượng lao động thất nghiệp.

2.2.3. Thực trạng xử lý vi phạm về môi trường, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường

**** Kiểm tra xử lý vi phạm về môi trường***

Hàng năm, UBND quận xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở kinh doanh trên địa bàn quận. Trên cơ sở đó, sẽ thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát môi trường trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chủ động phối hợp với các phòng, ban của Sở, ban ngành thành phố, Công an thành phố, Công an quận; UBND các phường, kiểm tra các điểm nóng ô nhiễm môi trường, các cơ sở phát sinh ô nhiễm, kịp thời đề xuất kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm bảo vệ môi trường.

**** Tình hình vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường tại quận 11***

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng một hệ thống giải pháp an ninh sinh thái ở Việt Nam, nhiều văn bản pháp luật được ban hành. Tuy nhiên tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn còn hết sức nghiêm trọng.

Quận 11 là quận có nhiều cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhỏ nên nhiều doanh nghiệp gây ra ô nhiễm môi trường là rất nhiều, chính vì doanh nghiệp nhiều mà nhỏ nên ít doanh nghiệp không có kinh phí đầu tư vào hệ thống xử lý khí thải và nước thải. Tại địa bàn quận những cơ sở sản xuất đều có hành nghề từ mấy chục năm, tạo ra sản phẩm là thủ công và máy móc cũ nên những người chủ đa phần là họ được học kinh nghiệm từ những người trước để lại nên họ chưa có hiểu biết về môi trường. Qua khảo sát và kiểm tra cho thấy tình hình vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn

quận theo thống kê từ năm 2010 đến 2013 là có 637 cơ sở sản xuất vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó có :

346 cơ sở sản xuất nhỏ và lần chưa vi phạm nghiêm trọng nên bị nhắc nhở và có biện pháp khắc phục.

163 cơ sở sản xuất lớn và vi phạm nghiêm trọng và có biện pháp khắc phục.

98 cơ sở sản xuất gây ra ô nhiễm nghiêm trọng và bị xử phạt hành chính.

**Thực tiễn thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường tại quận 11*

Trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đặc biệt khi Luật bảo vệ môi trường năm 2005 có hiệu lực thi hành đã quy định rõ các hành vi nghiêm cấm, trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ môi trường của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hộ gia đình, cá nhân. Để thực thi có hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2006/NĐ-CP, Nghị định 117/2009/NĐ-CP và mới đây là Nghị định 179/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Qua nhiều năm thực hiện đã có nhiều thành tựu đáng ghi nhận.

Trong những năm qua, Phòng tài nguyên và môi trường quận 11 đã tiến hành hàng loạt các cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, phát hiện và áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quận. Nhiều hành vi vi phạm pháp luật môi trường được phanh phui, xử lý; đã làm cho nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường tăng lên đáng kể, các cơ quan chức năng cũng tích cực hơn trong việc phát hiện và xử lý các vi phạm mới. Ngoài ra, qua việc áp dụng các biện pháp

xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường các cơ quan này còn mang về cho ngân sách nhà nước một khoản thu đáng kể.

Mặc dù vậy, trong quá trình áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, do nhiều yếu tố mà hiệu quả áp dụng không được như mong đợi; có thể dẫn ra một số biểu hiện sau:

Còn lúng túng trong việc xác định thẩm quyền, kéo dài thời gian ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Có thể kể đến một vài nguyên nhân của hiện tượng này như sau: lĩnh vực môi trường rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực; nhiều cơ quan có thẩm quyền xử phạt vì vậy nhiều trường hợp một vụ vi phạm mà có đến hai hoặc ba cơ quan có thẩm quyền xử phạt; không những thế hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường lại rất nhiều, vừa thiếu vừa thừa lại không thống nhất làm các cơ quan này rất lúng túng.

Chưa mạnh tay trong việc áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Phát triển bền vững – sự liên kết giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và các giá trị khác – là một trong những nguyên tắc quan trọng trong hệ thống pháp luật về môi trường của Việt Nam. Nó được thể hiện rất rõ trong các quy định pháp luật về các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tuy nhiên không phải lúc nào các chủ thể cũng tuân thủ nghiêm, ngay cả các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền do sợ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế địa phương mà bỏ qua vi phạm của cá nhân doanh nghiệp, hoặc xử phạt nhưng ở mức nhẹ hơn so với tính chất của hành vi vi phạm.

Chính vì sự nhẹ tay này mà nhiều vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tồn tại hàng chục năm, chỉ đến khi hậu quả của nó quá nghiêm trọng, các cơ quan báo trí vào cuộc thì vụ việc mới được phanh phui.

Trong thực tiễn rất ít các chủ thể có thẩm quyền áp dụng biện pháp cảnh cáo và tiến hành theo đúng quy định, chủ thể có thẩm quyền chỉ nhắc nhở đối tượng vi phạm cho qua mà không tiến hành ra quyết định xử phạt tại chỗ, khi đó không được coi là bị xử phạt cảnh cáo. Mà theo Khoản 2 Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính thì vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực hoặc tái phạm trong cùng lĩnh vực được xem là một tình tiết tăng nặng cho lần xử phạt tiếp theo. Trong khi đó, vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường diễn ra rộng khắp, việc không có cơ quan nào theo dõi và ghi nhận các hành vi vi phạm hành chính trước đó, không có sự thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền xử phạt đã dẫn đến tình trạng tình tiết tăng nặng “tái phạm” rất ít được áp dụng trong thực tiễn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Trong pháp luật về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thể hiện ở Nghị định 179/2013/NĐ-CP chưa quy định thẩm quyền niêm phong và gỡ niêm phong. Đối với các cơ sở sản xuất khi họ bị xử phạt về không thực hiện đề án về môi trường thì khi khắc phục hậu quả họ không thực hiện được vì thông tư thực hiện đề án bảo vệ môi trường đã hết hiệu lực. Như vậy họ không biết khắc phục hậu quả khi họ vi phạm và bị xử phạt.

** Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường*

Khiếu nại, tố cáo là hình thức dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Đảng và nhà nước ta luôn coi trọng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền khiếu nại, tố cáo của mình và tham gia giám sát hoạt động của cơ quan nhà

nước, tinh thần đó đã được thể chế hoá tại Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 và Luật tố cáo 03/2011/QH13.

2.3. Đánh giá chung thực trạng quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Những thành tựu đạt được và nguyên nhân

Nhìn chung công tác bảo vệ môi trường và tuyên truyền môi trường đã thực hiện tốt hơn so với những năm trước, từng bước nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, tình trạng xả rác thải bừa bãi đã hạn chế nhiều, công tác kiểm tra môi trường đối với các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ được tiến hành thường xuyên và xử lý kịp thời các sai phạm.

Hàng năm tổ chức các đợt tập huấn về công tác bảo vệ môi trường cho các đối tượng khác nhau: cán bộ phụ trách công tác BVMT phường, tổ trưởng dân phố và trưởng ban công tác mặt trận, hội phụ nữ, đoàn thanh niên... và nhiều đợt tuyên truyền về việc đổ rác thải đúng giờ, đúng nơi quy định.

Đối với hoạt động quản lý rác thải sinh hoạt: phòng hướng dẫn UBND các phường, xây dựng trạm trung chuyển rác, bỏ rác công cộng, giám sát chất lượng môi trường tại bãi chôn lấp rác và đề xuất xử lý kịp thời các vấn đề ô nhiễm trong xử lý rác.

Công tác phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh được thực hiện thường xuyên, đúng quy định.

UBND quận giải quyết thủ tục xác nhận > 60 trường hợp về hồ sơ cam kết BVMT/ Đề án BVMT đối với các cơ sở SX-KD-DV trước khi đi vào hoạt động hàng năm. Định kỳ 6 tháng tiến hành kiểm tra, giám sát việc chấp hành của các cơ sở và xử lý hành chính đối với những trường hợp vi phạm. Mỗi năm kiểm tra khoảng trên 80 cơ sở và trong 3 năm từ năm 2014-2016, quận đã xử lý 68 trường hợp với tổng số tiền nộp phạt là 278.145.000 đồng.

Giải quyết kịp thời những phản ánh của người dân về vấn đề ô nhiễm môi trường.

Công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn được thực hiện đúng quy trình và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Phần lớn các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn đã đăng ký Cam kết bảo vệ môi trường và đã thực hiện đúng cam kết.

Xử lý nghiêm các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nghiêm trọng trên địa bàn quận.

Công tác tuyên truyền nâng cao ý thức cho người dân về bảo vệ môi trường được diễn ra thường xuyên.

Trong 10 năm qua, việc thu gom rác thải đã được cải thiện đáng kể, trước đây thùng rác đặt tại tất cả các tuyến đường, gây choáng via hè, ô nhiễm cục bộ, gây mất mỹ quan đô thị tại các tuyến đường chính. Hiện nay, đã thực hiện thu gom đặt thùng rác theo giờ (16 - 22h hàng ngày) tại 30 tuyến đường chính và tại các khu dân cư, giờ thu gom đã điều chỉnh dần dần, cán bộ thu gom đã tích cực vào đến tận nơi của các kiệt, hẻm nhỏ. UBND quận chỉ đạo phòng TNMT phối hợp thường xuyên với UBND các phường.

Về nhà vệ sinh công cộng, năm 2015, khu vực đô thị đã bố trí thêm 4 nhà vệ sinh công cộng. Nâng tổng số nhà vệ sinh công cộng hiện có lên 18 cái.

2.3.2. Những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân

Tình hình quản lý môi trường chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển của thành phố Hồ Chí Minh nói chung và quận 11 nói riêng. Các chính sách thể chế của quận 11 về việc triển khai bảo vệ môi trường còn chậm.

Việc quản lý nhà nước chủ yếu dựa trên công cụ luật pháp, các chế tài vì thế việc thực hiện tỏ ra cứng nhắc, chưa đồng bộ và phù hợp với nhu cầu của địa phương. Nhiều tổ chức, cá nhân khi vi phạm nhưng không nhận trách

nhiệm. Tuy vậy, nhà nước vẫn chưa có biện pháp xử lý hiệu quả, để lại những hậu quả nặng nề cho môi trường. Các hình thức xử lý vi phạm còn mang tính chiếu lệ, chưa đủ sức răn đe, ngăn ngừa.

Việc quản lý môi trường chưa thực sự mang lại hiệu quả đối với chất lượng cuộc sống của người dân do đó trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn.

Nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của nhiều cấp ủy, lãnh đạo các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân chưa đầy đủ; ý thức bảo vệ môi trường nhìn chung còn thấp.

Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn chậm, chưa đồng bộ. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trình độ khoa học - công nghệ bảo vệ môi trường, xử lý, giải quyết ô nhiễm môi trường còn thấp.

Nguồn vốn đầu tư và chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu. Còn sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cho các mục đích khác hoặc sử dụng không hiệu quả. Trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường còn thiếu và lạc hậu. Trong chỉ đạo, điều hành chỉ quan tâm tới các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, coi nhẹ các yêu cầu bảo vệ môi trường; có biểu hiện buông lỏng công tác quản lý nhà nước, thiếu kiên quyết trong việc xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; chưa giải quyết dứt điểm các điểm nóng, bức xúc về ô nhiễm môi trường.

Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường diễn ra khá phổ biến. Nhiều vi phạm có tổ chức, tinh vi, một số hành vi có dấu hiệu tội phạm. Ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng với tính chất và mức độ ngày càng nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, đời sống của người dân nơi đây.

Với tốc độ phát triển dân số và quy mô dân số ở quận 11 như hiện nay đã tác động rất lớn đến môi trường và đặc biệt là ý thức của người dân còn hạn chế, tư tưởng ỷ lại cho lực lượng bảo vệ môi trường đang còn ăn sâu trong suy nghĩ của mỗi người dân.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót

Đội ngũ quản lý môi trường ở cấp quận cũng như cấp phường còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực trình độ chuyên môn. Cán bộ quản lý môi trường cấp phường còn kiêm nhiệm, không có phụ cấp kiêm nhiệm nên hoạt động chưa thật sự hiệu quả. Bên cạnh đó, một số lãnh đạo UBND phường chưa quan tâm chỉ đạo sâu sát công tác tuyên truyền môi trường nên nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế.

Ý thức về bảo vệ môi trường vẫn chưa thành thói quen, nếp sống; các thói quen xấu gây ô nhiễm môi trường như vứt rác, chất thải, xác súc vật bừa bãi ở nơi công cộng, nguồn nước, chưa được loại bỏ. Ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một số cơ sở sản xuất, kinh doanh còn thấp, phần lớn vẫn chạy theo lợi nhuận, coi nhẹ công tác bảo vệ môi trường.

Các tổ chức, cá nhân chưa hiểu đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định trong các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường nên có những hành vi gây hại đến môi trường. Chưa có tinh thần tự nguyện, tự giác trong công tác giữ vệ sinh môi trường chung, đùn đẩy trách nhiệm lên cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị thu gom chất thải.

Việc thu gom rác thải trong các hẻm nhỏ cũng không đều đặn, lượng rác thu gom rất hạn chế, gây tồn đọng rác ở một số nơi.

Đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường còn quá ít và thiếu tập trung. Các chính sách công cụ kinh tế trong quản lý môi trường còn ít được áp dụng.

Kết luận chương 2

Vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là vô cùng quan trọng. Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn quận 11 đã có những chuyển biến tích cực, nêu cao vai trò trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận, Hội đoàn thể và toàn thể nhân dân địa phương với nhiều cách làm hay và cách làm mới. Đã phát động được một phong trào bảo vệ môi trường rộng khắp trong cơ quan công sở, đơn vị trường học, khu dân cư... Trong đó, một số địa phương tiêu biểu như phường 1,3,5,7.

Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn quận vẫn gặp một số khó khăn, hạn chế như tồn tại một số điểm nóng về môi trường, tình trạng nhếch nhác, mất mỹ quan môi trường tại một số điểm tập kết rác, ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận dân cư chưa cao, vẫn xảy ra tình trạng vứt rác thải, xả bần, đổ nước thải bừa bãi. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn quận chưa đồng đều và thường xuyên.

Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý vi phạm, bên cạnh việc kiểm tra theo kế hoạch định kì còn phải tăng cường kiểm tra đột xuất để phát hiện các hành vi đối phó của doanh nghiệp và kịp thời ngăn chặn.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân và đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HIỆU LỰC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Quan điểm và mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở quận 11 thành phố Hồ Chí Minh

** Quan điểm chỉ đạo và định hướng*

Việc xây dựng quận môi trường phải được tiến hành trên cơ sở hệ thống chính sách, pháp luật thống nhất của nhà nước, có tính kế thừa và được sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND thành phố và quận ủy 11, sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, các phòng ban, đơn vị trên toàn quận.

Xây dựng quận môi trường trên cơ sở phát huy nội lực, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đồng thời phát huy hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của quốc tế, kết hợp hài hòa giữa môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, trong đó người dân có ý thức, chủ động tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng và hình thành lối sống văn minh.

Xây dựng quận môi trường trên cơ sở phát huy nội lực, huy động toàn dân kết hợp với quản lý đa ngành, đa mục tiêu.

Xây dựng khu dân cư có môi trường thân thiện, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Xây dựng và hình thành lối sống văn minh, văn hóa đô thị đảm bảo vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư trên địa bàn quận.

Huy động, tranh thủ nguồn vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế.

Phát động phong trào toàn dân thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa đô thị gắn liền BVMT trong cộng đồng dân cư.

** Mục tiêu*

Mục tiêu tổng quát:

- Tập trung kiểm soát, ngăn chặn và đẩy lùi ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước mặt, nước ngầm, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; tăng diện tích cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ, công viên...; xây dựng quận 11 xanh, sạch, có môi trường sống tốt; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng.

- Nâng cao nhân lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nguồn năng lực trong quá trình triển khai thực hiện đề án quận môi trường;

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, làm cho ý thức bảo vệ môi trường trở thành thói quen, đi sâu vào nếp sống của nhân dân;

- Xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường và huy động sự tham gia của các tổ chức kinh tế, hội đoàn thể chính trị - xã hội và của cả cộng đồng vào các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn quận;

- Ngăn ngừa, kiểm soát ô nhiễm tại các khu dân cư; các khu vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ;

- Lồng ghép các tiêu chí quận môi trường vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội quận 11.

Mục tiêu cụ thể:

Ngăn chặn, hạn chế, khắc phục ô nhiễm, cải thiện và khôi phục chất lượng môi trường. Phấn đấu đến cuối năm 2015 đạt một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Lĩnh vực bảo vệ môi trường:

+ Có 80% - 90% cơ sở sản xuất, dịch vụ, thương mại trên địa bàn quận có hệ thống xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam về môi trường, có nơi lưu chứa chất thải và ký kết hợp đồng với đơn vị chuyên ngành thu gom, xử lý chất thải đúng quy định.

+ Giảm thiểu 80% mức độ ô nhiễm nguồn nước mặt.

+ Giảm thiểu 80% mức độ ô nhiễm không khí, tiếng ồn do sản xuất.
+ Có 100% người dân quận được phổ biến, tuyên truyền về bảo vệ môi trường.

Lĩnh vực quản lý chất thải: 100% tổng lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế, nước thải công nghiệp và y tế được lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

Lĩnh vực quản lý môi trường: Chất lượng nước mặt, nước ngầm, không khí, tiếng ồn trên toàn địa bàn quận 11 đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường.

Lĩnh vực quản lý chất thải rắn: Chất thải thông thường, chất thải nguy hại được thu gom, lưu chứa, vận chuyển, xử lý, tái chế và tái sử dụng.

Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân quận đã đề ra những giải pháp để thực hiện các mục tiêu, đó là:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường và ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực thi đầy đủ các Nghị quyết, Chỉ thị, các chương trình hành động của cấp trên, các chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia và của thành phố.
3. Tăng cường đầu tư các công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn y tế; xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, thương mại, dịch vụ y tế.
4. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường.
5. Tăng cường năng lực, bổ sung sắp xếp bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đủ mạnh, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị, xã hội để vận động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường.

3.2. Giải pháp bảo đảm hiệu lực và nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở quận 11 thành phố Hồ Chí Minh

Để đạt được các chỉ tiêu trên, các kế hoạch và hoạt động cụ thể đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 triển khai thực hiện để đảm bảo hiệu lực và nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như sau:

Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường, chăm lo đến chế độ lương bổng, phụ cấp chi phí cho họ.

Tạo sự tham gia tích cực của cán bộ và người dân địa phương vào việc quản lý môi trường. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của người dân về môi trường và tác hại của ô nhiễm môi trường. Đề khuyến khích và nhân rộng những điển hình tiên tiến trong việc bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố, việc hình thành giải thưởng môi trường hàng năm của thành phố dành cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động bảo vệ môi trường là rất cần thiết.

Người dân cần được thông tin đầy đủ về các chương trình dự án của chính phủ về môi trường; nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường.

Có cơ chế thích hợp cho việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của các tổ chức và cá nhân trong hoạt động môi trường.

Về nội dung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường và ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân quận xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động:

- Hưởng ứng các phong trào môi trường như “Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường” và “Ngày Môi trường thế giới”, “Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn”, “Vi đường phố không rác”, “Giờ Trái đất”...

- Thực hiện rà soát, thống kê, đôn đốc các cơ sở, doanh nghiệp nộp phiếu kê khai phí nước thải sản xuất chuyển cho Chi cục bảo vệ Môi trường để ra thông báo thu phí theo quy định. Phối hợp Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện thẩm định nước thải đối với 07 doanh nghiệp làm cơ sở thu phí.

- Ủy ban nhân dân 16 phường cùng các ban ngành đoàn thể tổ chức ra quân tổng vệ sinh trên địa bàn định kỳ vào sáng chủ nhật hàng tuần trong khoảng 15 – 30 phút để tạo thành nề nếp trong từng khu phố, vận động rộng rãi đến các xí nghiệp, trụ sở và các hộ dân tham gia hưởng ứng.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo quận cũng phát động phong trào giữ gìn vệ sinh trường lớp, vệ sinh cá nhân kết hợp truyền truyền giáo dục nếp sống văn minh mỹ quan đô thị, xây dựng phong trào “Mái trường em sạch đẹp – văn minh, đồng thời tổ chức các buổi sinh hoạt dưới cờ giáo dục cho học sinh ý thức về bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguồn nước sạch, tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tìm hiểu về môi trường xung quanh, tổ chức trồng cây trong sân trường; treo khẩu hiệu, băng – rôn, treo tranh ảnh về nguồn nước và bảo vệ môi trường tại các khu vực lớp và sân trường. Các trường cũng có bố trí các thùng đựng rác tái sinh riêng cho từng loại giấy và các túi đựng đồ ăn, lon nước uống, tận dụng viết hai mặt giấy và tận dụng giấy bỏ để viết nháp khi tính toán.

- Lực lượng Đoàn viên, thanh niên phối hợp Hội phụ nữ phường thực hiện ra quân thu gom rác, vệ sinh các tuyến đường trọng điểm hoặc các điểm hay phát sinh rác, tổ chức diệt lăng quăng tại các tổ dân phố chợ trên địa bàn quận.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận 11 thực hiện các tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể và nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường, trong đó, bằng nhiều hình thức và trong các cuộc họp tổ dân phố, tập trung tuyên truyền xây dựng ý thức, hiểu biết về vệ sinh môi trường ở khu vực dân cư, khu vực sản xuất, an toàn vệ sinh thực phẩm, vận động người dân không xả rác trước miệng hầm ga, dùng gỗ ván, gạch đá, phủ bạt che bít miệng thu nước và đổ rác xuống kênh rạch, hệ thống thoát nước công cộng, không bỏ rác ra đường, không để rác trước cửa nhà.

Phối hợp Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân tổ chức “*Lễ công bố 100% hộ dân được cấp nước sạch và phát động tháng cao điểm tuyên truyền về hạn chế và cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn quận 11*”, qua đó kêu gọi, động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong việc bảo vệ tài nguyên nước và nước dưới đất; nâng cao nhận thức của nhân dân về các tác hại của việc khai thác quá mức nguồn nước ngầm và trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên nước dưới đất, góp phần thực hiện lộ trình hạn chế và cấm khai thác nước dưới đất của Ủy ban nhân dân thành phố.

Thực thi đầy đủ, đúng quy định các văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết, Chỉ thị, các chương trình hành động của cấp trên về bảo vệ môi trường:

Thực hiện Thông tư số 26/2011/TT-TNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân quận xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường cho các dự án mới phát sinh; từ năm 2011 đến hết tháng 6/2014 đã xác nhận 97 hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đăng ký và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân quận xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường cho các dự án mới phát sinh; từ năm 2011 đến hết tháng 6/2014 đã xác nhận 304 hồ sơ đề án bảo vệ môi trường.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích lấy mẫu bùn cống trên địa bàn quận 11 để phân tích thí nghiệm chất độc hại, hàng tháng Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng với Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Quản lý đô thị tiến hành nghiệm thu công tác dịch vụ đô thị (quét thu gom rác, chăm sóc cây xanh, chiếu sáng công cộng...) của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 11.

- Thực hiện Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20/12/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban hành kế hoạch số 64/KH-UBND triển khai thu phí, quản lý phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận. Trong năm 2013 thu về cho ngân sách được 1.753.896.123 đồng.

Tăng cường đầu tư các công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn y tế; xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, thương mại, dịch vụ y tế

- Đối với nước thải của các cơ sở y tế trên địa bàn quận: Bệnh viện quận 11, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, các trạm y tế 16 phường đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép. Các cơ sở y tế tư nhân nhỏ lẻ cũng đã từng bước xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường

- Hàng năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường đều tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban kế hoạch kiểm tra việc bảo vệ môi trường, tài nguyên nước và kiểm soát ô nhiễm công nghiệp tại các doanh nghiệp cơ sở sản xuất trên địa bàn quận 11. Từ năm 2011 đến hết tháng 6/2014 Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Ủy ban nhân dân 16 phường và đơn vị có chức năng đo đạc môi trường tiến hành kiểm tra đối với 304 lượt đơn vị doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban hành 16 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường với tổng số tiền phạt là 139.250.000 đồng.

- Về công tác giải quyết phản ánh, khiếu nại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: từ năm 2011 đến hết tháng 6/2014 Phòng Tài nguyên và Môi trường đã giải quyết được 47 đơn phản ánh, khiếu nại về lĩnh vực môi trường.

- Ngoài ra, hàng năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường cũng đã tiến hành kiểm tra ngoài kế hoạch đối với trên 100 lượt đơn vị doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm theo đề nghị của Cảnh sát Môi trường quận, Cảnh sát Môi trường Thành phố, Sở tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường.

Nhằm bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu nền về chất lượng không khí khu vực dân cư, xác định mức độ ô nhiễm, làm cơ sở xây dựng kế hoạch quản lý môi trường trên địa bàn quận, đồng thời thông qua số liệu đo đạc có thể sơ lược đánh giá tình hình chất lượng môi trường trên địa bàn quận, đánh giá chất lượng không khí khu vực dân cư và nước kênh rạch trên địa bàn quận, định kỳ 2 lần/ năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện kế hoạch hàng năm quan trắc chất lượng không khí khu vực dân cư và nước kênh rạch trên địa bàn quận tại 06 vị trí khu vực dân cư và lấy mẫu 05 vị trí kênh Tân Hóa – Lò Gốm.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo Ủy ban nhân dân 16 phường tăng cường kiểm tra, xóa bỏ các điểm rác phát sinh không đúng quy định trên địa bàn phường; chốt giữ các điểm nóng hay phát sinh rác, đồng thời xử phạt nghiêm minh những hành vi gây ảnh hưởng đến giữ gìn vệ sinh chung như vứt rác, phóng uế bừa bãi, đổ nước thải, rác thải ra đường...

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thường xuyên kiểm tra hệ thống nhà vệ sinh công cộng, đảm bảo chất lượng vệ sinh và giờ giấc mở cửa nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách vãng lai. Đồng thời, phối hợp với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích, Ủy ban nhân dân 16 phường rà soát thùng rác công cộng trên các tuyến đường, sửa chữa và trang bị thêm thùng rác công cộng tại những vị trí có nhu cầu.

Kết luận chương 3

Tổ chức quán triệt sâu rộng nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cán bộ công chức và nhân dân trong việc bảo vệ môi trường.

Hiện nay, công tác bảo vệ môi trường đang đứng trước nhiều thách thức đáng quan tâm như: thách thức giữa yêu cầu bảo vệ môi trường với lợi ích kinh tế trước mắt trong đầu tư phát triển; thách thức giữa tổ chức và năng lực quản lý môi trường còn nhiều bất cập trước những đòi hỏi phải nhanh chóng đưa công tác quản lý môi trường vào nền nếp; thách thức giữa cơ sở hạ tầng, kỹ thuật bảo vệ môi trường lạc hậu với khối lượng chất thải đang ngày càng tăng lên; thách thức giữa nhu cầu ngày càng cao về nguồn vốn cho bảo vệ môi trường với khả năng có hạn của ngân sách Nhà nước và sự đầu tư của doanh nghiệp và người dân cho công tác bảo vệ môi trường còn ở mức rất thấp...

Thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức và tham gia của cộng đồng liên quan đến các vấn đề môi trường, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi

trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn cán bộ môi trường phường nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường của đủ sức đáp ứng yêu cầu quản lý địa bàn.

KẾT LUẬN

Công tác quản lý môi trường, bảo vệ môi trường là một trong những hoạt động rất quan trọng để hướng tới đất nước tới phát triển bền vững. Công tác quản lý, bảo vệ môi trường tốt làm cho môi trường trong lành hơn và chất lượng cuộc sống được nâng cao hơn. Để làm được điều đó thì các cơ sở sản xuất đó thì các cơ sở sản xuất kinh doanh phải thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở của mình. Tuy nhiên, qua quá trình tìm hiểu thu thập số liệu về môi trường nước, không khí, tiếng ồn của quận 11, em nhận thấy công tác bảo vệ môi trường tại đây còn nhiều hạn chế.

Quận 11 với vị thế là quận trung tâm đã không ngừng phát triển và có những bước phát triển rõ rệt vượt bậc trong nhiều lĩnh vực. Trong đó, quản lý nhà nước về môi trường đạt nhiều thành tựu. Các đề án về xây dựng và phát triển môi trường đặc biệt là đề án “Xây dựng Quận 11 - Quận môi trường xanh, sạch, đẹp.” đã tạo nên những hướng phát triển sáng tạo cho quận 11, với mục đích lớn nhất là phát triển KT-XH bền vững và phấn đấu đạt thành phố thân thiện môi trường, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng môi trường.

Với tầm nhìn trở thành “Quận môi trường”, chiến lược BVMT của quận 11 là một bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển KT-XH, là cơ sở quan trọng phát triển kinh tế bền vững.

Trong những năm qua chất lượng môi trường của thành phố Hồ Chí Minh cũng chịu những sức ép do quá trình phát triển KT-XH, việc phát triển đô thị làm ô nhiễm môi trường không khí cục bộ, quy hoạch và phát triển du lịch khu vực vùng bờ có nhiều điểm chưa hợp lý ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước và đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước... Tuy nhiên, dưới sự quản lý chặt chẽ của các cấp nên chất lượng MT quận đã giữ vững và có những bước tiến rõ rệt so với giai đoạn 2005-2010, công tác BVMT đã được nâng cao cả về chất và lượng. Việc quản lý chất thải rắn khá tốt, công

tác xử lý các cơ sở ô nhiễm MT đã được triển khai quyết liệt, cơ sở hạ tầng giao thông và hệ thống thoát nước đã được hoàn thiện theo hướng hiện đại, tình trạng nước thải chưa được xử lý thải ra MT đã được hạn chế, ô nhiễm tại các sông hồ cũng giảm thiểu đáng kể. Lĩnh vực hợp tác quốc tế về môi trường đã được chú trọng. Nhận thức chung về MT của người dân thành phố được nâng cao và đã tự nguyện tham gia tích cực BVMT. Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về MT vẫn còn một số hạn chế như tình trạng ban hành các văn bản dưới luật chưa kịp thời, chưa sát với thực tiễn, thiếu các chính sách kêu gọi tư nhân đầu tư BVMT, tốc độ triển khai đề án quản môi trường còn chậm và chưa sâu sát đến tất cả các lĩnh vực liên quan, công cụ thông tin chưa đầu tư đúng mức.

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của sự phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người dân, là biểu hiện của nếp sống văn hoá, đạo đức, là tiêu chí quan trọng của xã hội văn minh và là sự nối tiếp truyền thống yêu thiên nhiên, sống hài hoà với tự nhiên của cha ông chúng ta. Bảo vệ môi trường phải theo phương châm lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu với môi trường là chính, kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; kết hợp giữa sự đầu tư của Nhà nước với đẩy mạnh huy động nguồn lực trong xã hội, kết hợp giữa công nghệ hiện đại với các phương pháp phòng chống. Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ vừa phức tạp, vừa cấp bách, có tính đa ngành và liên vùng rất cao; Vì vậy, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể; để từ đó làm cho môi trường ở khu dân cư ngày càng “*Xanh, sạch,*

đẹp” và làm cho mọi người dân có ý thức, kiến thức, sống thân thiện với môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh khắc phục các tệ nạn, tập tục lạc hậu, thói quen trong sản xuất, sinh hoạt, tiêu dùng; xâm hại đến tài nguyên, môi trường. Bảo vệ môi trường là một công việc lâu dài, bền vững và phải được sự quan tâm thường xuyên của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành chức năng và Mặt trận Tổ quốc cũng như các đoàn thể quần chúng; Nhà nước cần cần phải tạo điều kiện về mọi mặt cho Mặt trận thực hiện nhiệm vụ to lớn và hết sức quan trọng này. Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và các ngành chức năng trong lĩnh vực có tầm quan trọng đặc biệt này, đòi hỏi phải đẩy mạnh, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ môi trường của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương.

Hoạt động bảo vệ môi trường tác động toàn diện đến các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và bản thân con người, đặc biệt là con người, với tư cách vừa là khách thể, lại vừa chủ thể chi phối, quyết định chất lượng môi trường. Việc xây dựng môi trường nhân văn, môi trường sinh thái - nhân văn có tầm quan trọng quyết định tới toàn bộ sự nghiệp bảo vệ môi trường nói riêng và phát triển bền vững nói chung.

Việc bảo vệ môi trường không chỉ có quan hệ tác động hỗ trợ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững mà trong quá trình đó, luôn luôn phát sinh những xung đột về lợi ích giữa các lĩnh vực kinh tế - xã hội và giữa các chủ thể trong việc hưởng thụ, trong việc sử dụng các thành phần môi trường với việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường, không chỉ nhằm tạo ra sự đồng thuận xã hội, làm hậu thuẫn cho các hoạt động quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường, cho các hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, còn góp phần giải quyết những mâu thuẫn trên, đồng thời tăng cường mở rộng khối Đại đoàn kết toàn dân tộc của chúng ta hiện nay.

Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương nên sớm có chủ trương tăng biên chế cán bộ quản lý môi trường cấp quận/ huyện, biên chế cán bộ quản lý môi trường chuyên trách ở cấp phường/ xã; sớm tăng tỷ lệ % ngân sách cho BVMT và điều chỉnh lại cơ sở phân phối, sử dụng để bảo đảm có hiệu quả nhất, cố gắng đến năm 2015, tỷ lệ dành cho sự nghiệp môi trường bảo đảm ở mức 2% tổng chi ngân sách. Thường xuyên coi trọng công tác thanh tra và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Sớm hình thành hệ thống quan trắc môi trường có tính quốc gia, đáp ứng các yêu cầu thống nhất, toàn diện, chính xác, cập nhật để theo dõi, đánh giá đúng mọi diễn biến môi trường, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tăng cường cơ chế liên kết và phối hợp tốt, trong đó có sự chia sẻ trách nhiệm và quyền hạn giữa các cơ quan trung ương với nhau, giữa các cơ quan trung ương và các địa phương và giữa các địa phương có liên quan. Tiếp tục tạo hành lang pháp lý và các điều kiện cần thiết để đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; cần có các biện pháp gắn kết giữa quản lý nhà nước với công tác nghiên cứu và đào tạo để phát triển tốt nguồn nhân lực trong lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường. Từng bước hình thành và phát triển văn hóa môi trường; tiếp tục suy nghĩ, đổi mới nội dung và phương pháp tuyên truyền về bảo vệ môi trường, *để mọi người ý thức được rõ ràng là bảo vệ môi trường chính là tự bảo vệ mình.*

Đồng thời tiếp tục phát huy phong trào, hoạt động như: Tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường, “Ngày Chủ nhật xanh”; làm nhà vệ sinh hợp lý, sử dụng nước sạch; giải quyết dứt điểm những khu vực môi trường ô nhiễm. Môi trường ngày càng bị ô nhiễm trầm trọng. Chúng ta hãy ra sức bảo vệ và khắc phục những hậu quả đã gây ra bằng những phương pháp xác thực nhất, có hiệu quả nhất.

Từ những phân tích tình hình thực tế, dựa vào định hướng và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, em đã đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về môi trường, từ đó nâng cao chất lượng môi trường trên địa bàn quận, góp phần hướng tới thành phố Hồ Chí Minh thân thiện, sạch, đẹp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Quang Bình (2012), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB thông tin và truyền thông, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (1998), *Chỉ thị 36 CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, một số mục tiêu cụ thể của công tác quản lý môi trường Việt Nam*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Hà Nội.
4. Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (2012), *Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT về việc thực hiện đăng ký và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản*, Hà Nội.
5. Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (2011), *Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT về việc thực hiện đăng ký và xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
6. Bộ Y Tế (2002), *Quyết định 1329/2002/BYT-QĐ, về ban hành tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2015), *Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2015*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2008), *Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2013), *Nghị định 179/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*, Hà Nội.

10. Học viện Hành chính Quốc gia (2006), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về Khoa học – Công nghệ và Tài nguyên – Môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
11. Hoàng Hưng (2000), *Con người và Môi trường*, Nhà xuất bản Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Đình Hương – Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Giáo trình Quản lý đô thị*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
13. Trần Thanh Lâm (2006), *Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế*, NXB Lao động, Hà Nội.
14. Phạm Văn Lợi (chủ biên) (2011), *Kinh tế hoá lĩnh vực môi trường: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
15. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 (2010), *Báo cáo về tình hình phân chia ranh giới hành chính của quận 11*, T.P Hồ Chí Minh.
16. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 (2013), *Báo cáo về tình hình trung chuyển và vận chuyển rác trên địa bàn quận 11*, T.P Hồ Chí Minh.
17. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 (2014), *Báo cáo tình hình rác thải trung bình của 1 người/ngày trên địa bàn quận 11*, T.P Hồ Chí Minh.
18. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 11 (2015), *Báo cáo về việc thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường nộp ngân sách hàng tháng của các cơ sở kinh doanh, sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn quận 11*, T.P Hồ Chí Minh.
19. Quốc hội (1993), *Luật Bảo vệ Môi Trường Việt Nam*, NXB Chính trị, Hà Nội.
20. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính*, NXB Chính trị Hà Nội.

21. Sở TNMT Thành phố Hồ Chí Minh (2013-2015), *về hàm lượng trung bình các chỉ tiêu hoá sinh của các mẫu phân tích*, T.P Hồ Chí Minh.
22. Lê Văn Thăng (2007), *Giáo trình khoa học môi trường đại cương*, Khoa Môi trường - Đại học Huế, Huế.
23. Nguyễn An Thịnh (2005), *Cơ sở khoa học môi trường*, Khoa Địa lý – Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội.
24. Phan Như Thúc (2007), *Giáo trình quản lý môi trường*, NXB Đại học nông nghiệp, Hà Nội.
25. UBND quận 11 TP.Hồ Chí Minh (2005), *Quyết định số 26/QĐ-UB ngày 01/05/2005 của UBND về việc thành lập Phòng TNMT*, T.P Hồ Chí Minh.
26. UBND TP.Hồ Chí Minh (1998), *Quyết định số 5424/1998/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/10/1998 của UBND về việc thực hiện mô hình quản lý rác dân lập*, T.P Hồ Chí Minh.
27. UBND TP.Hồ Chí Minh (2008), *Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố về thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn T.P Hồ Chí Minh*, T.P Hồ Chí Minh.